Hương Thiền

TUYỂN TẬP VĂN THƠ RA NGÀY 15/01/GIÁP NGỌ

27

Xuân Giáp Ngọ

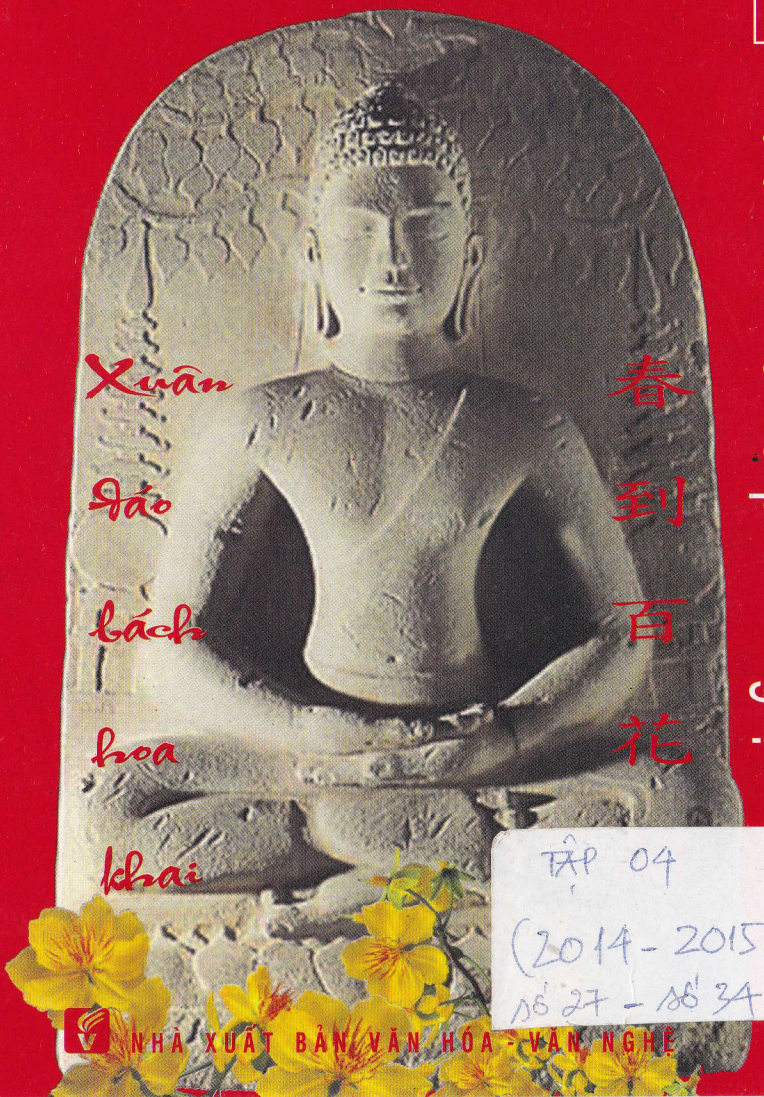

TẬP 04
(2014 - 2015)
Số 27 - Số 34

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

HƯƠNG THIỀN 27

BAN CỐ VẤN

HT. Thích Hiển Pháp

HT. Thích Giác Quang

HT. Thích Nhật Quang

BAN CHỦ NHIỆM

TT. Thích Thiện Tài

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

Nhà báo Nguyễn Đức Tố

CHỦ BIÊN

Nhà báo Phan Cát Tường

VĂN PHÒNG

ĐC: 304 Bông Sao, P.5,Q.8, TP.HCM

ĐT: (08)38503410 - 0913724043

www.facebook.com/cattuong.phan

www.cattuongphan.blogspot.com

E-mail : phancattuong@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA-VĂN NGHỆ

TP. HỒ CHÍ MINH - 2014

MỤC LỤC

03. *Lá thư Xuân Giáp Ngọ* .....*Thích Thiện Tài*

THIỀN

04. Thập Mục Ngưu Đồ .....Thích Thanh Từ

17. Ngõ vào Thiền .....Thích Nữ Trí Hải

25. Nhục thân bất hoại ..... Minh Nguyên

28. Kinh Con ngựa ..... Khương Tăng Hội (dịch)

TRIẾT

35. Thiền định - Nghệ thuật sống .... Osho

VĂN NGHỆ

48. Thư cho bé sơ sinh .....Đỗ Hồng Ngọc

52. Sở Trang Tuyệt Anh .....Hương Nguyễn

VĂN HỌC

56. Cửa từng đôi cánh gài .....Thích Nhất Hạnh

TỨ TRỌNG ÂN

67. Lồng đèn đỏ của cha tôi .....Thuần Tâm

71. Lời tạ lỗi cùng cha .....Phan Cát Tường

74. Bàn tay cha .....T.T.N

77. Lễ Hằng thuận .....Nguyễn Thảo

LIÊN TÔNG TỊNH ĐỘ .....Thích Giác Quang

PHẬT GIÁO QUẬN 8 .....Nguyễn Đức Tố

Chúc Xuân: *Thích Giác Quang, Thích Thiện Lương, Thích Thiện Tài, Thích Huệ Công*

Thơ: *Nguyễn Bính, Nguyễn Hải Thảo, Trần Thoại Nguyên.*

Lá thư Xuân Giáp Ngọ,

Trong các loài vật, ngựa là con vật gắn bó mật thiết với đời sống con người.

Thần thoại Hy Lạp có câu chuyện "Con ngựa thành Troy" kể về chiến thắng của các chiến binh Hy Lạp với đội quân Troy nhờ vào mưu trí. Quân Hy Lạp sau 10 năm vây hãm thành Troy mà không thể chiếm lĩnh được, bèn dỡ tàu chiến lấy gỗ để làm ra một con ngựa khổng lồ. Binh lính giả vờ rút đi, nhưng thực sự ẩn giấu trong con ngựa gỗ này. Tưởng rằng ngựa gỗ là vật tạ ơn, quân Troy mở tiệc mừng chiến thắng. Bất ngờ chiến binh Hy Lạp xuất quân đánh chiếm thành Troy. Từ thần thoại này mà phương Tây xem ngựa là loài vật của sức khỏe và mưu trí.

Ở phương Đông thì ngựa là biểu tượng cho sự thành đạt trong kinh doanh. Tại các lễ khai trương, người ta thường tặng cho người chủ một bức tranh ngựa có dòng chữ "Mã Đáo Thành Công" (馬到成功) để chúc tụng rằng tiền bạc kinh doanh sẽ trở về chủ sở hữu như những con ngựa hoang sẽ quay trở về chủ của nó sau thời gian thả rong trên đồng cỏ.

Phật giáo thì có một bài kệ về ngựa rất thú vị, đó là bài kệ trong "Thoát tục phẩm Pháp Cú kinh". Kệ như sau:

Vạn vật như phao	萬 物 如 泡
Ý như dã mã	意 如 野 馬
Cư thế nhược nhuyễn	居 世 若 幻
Nại hà lạc thử	奈 何 樂 此

*(Những gì xảy ra trong cuộc đời đều mong manh như chùm bọt nổi trên mặt nước. **Tâm ý của ta lại như một con ngựa hoang.** Ở đời cái gì cũng như mộng huyễn. Tại sao ta lại đi tìm lạc thú trong những gì mong manh ấy?)*

Từ bài kệ này mà Thiền tông mới có thuật ngữ "Tâm viên ý mã" để chỉ trạng thái vọng động *"Tâm như vượn nhảy, ý như ngựa phi"* của con người. Vì thế, để thoát vòng tục lụy, hành giả phải chăn dắt được con ngựa "ý" của mình mới mong thẳng tiến trên con đường thể nhập Niết Bàn.

THÍCH THIỆN TÀI

Thập mục ngưu đồ

Thích Thanh Từ

Thập mục ngưu đồ là mười bức tranh chăn trâu nổi tiếng trong Thiền tông, tương ứng với quá trình hành đạo của một người phát nguyện đạt Giác ngộ. Mười bức tranh này có thể xem là biểu hiện cô đọng nhất, trình bày tinh hoa của Phật giáo Đại thừa.

Các bức tranh chăn trâu được sáng tạo trong thời nhà Tống (960-1279) và ngay từ đầu đã được xem như những bức họa tiêu biểu, trình bày tinh hoa, cốt tủy của Thiền Trung Quốc. Có nhiều bộ tranh - có thuyết nói là bốn, thuyết khác nói là năm, sáu chăn trâu khác nhau - nhưng có lẽ nổi danh nhất và cũng bao hàm ý nghĩa nhiều nhất là bộ với mười bức tranh của Thiền sư Khuếch Am Sư Viễn, được lưu lại trong bản sao của hoạ sĩ người Nhật tên Châu Văn.

Một bộ khác với sáu bức tranh cũng thường được nhắc đến. Ban đầu, Thiền sư Thanh Cư chỉ vẽ có năm bức, nhưng sau Thiền sư Tự Đắc vẽ thêm bức tranh thứ sáu. Trong bộ này, con trâu dần dần trắng ra và cuối cùng thì trắng hoàn toàn, một biểu tượng cho chân tâm thanh tịnh, vô cấu.

Mười bức tranh sau được xem là của Thiền sư Khuếch Am Sư Viễn. Những bức tranh này cũng được chú thích rất rõ, rất hay trong Thiền luận của Daisetz Teitaro Suzuki, bản dịch của Trúc Thiên và Thích Tuệ Sỹ. Bài tụng của Thiền sư Khuếch Am được Thích Thanh Từ dịch.

1

尋 牛

茫茫撥草去追尋。
水闊山遙路更深。
力盡神疲無處覓。
但聞風樹晚蟬吟。

TÀM NGƯU

Mang mang bát thảo khứ truy tầm
Thủy khoát sơn dao lộ cánh thâm
Lực tận thần bì vô xứ mịch
Đãn văn phong thụ vãn thiền ngâm.

TÌM TRÂU

Nao nao vạch cỏ kiếm tìm trâu
Núi thẳm đường xa nước lại sâu
Kiệt sức mệt nhoài tìm chẳng thấy
Chỉ nghe réo rắt giọng ve sầu.

2

見跡

水邊林下跡偏多。
芳草離披見也麼。
縱是深山更深處。
遼天鼻孔怎藏他。

KIẾN TÍCH

Thuỷ biên lâm hạ tích thiên đa
Phương thảo li phi kiến dã ma
Túng thị thâm sơn cánh thâm xứ
Liêu thiên tị khổng chẩm tàng tha.

THẤY DẤU

Ven rừng bến nước dấu liên hồi
Vạch cỏ ruồng cây thấy được thôi
Ví phải non sâu lại sâu thẳm
Ngất trời lỗ mũi hiện ra rồi.

3

見牛

黃鶯枝上一聲聲。
日暖風和岸柳青。
只此更無廻避處。
森森頭角畫難成。

KIẾN NGƯU

Hoàng oanh chi thượng nhất thanh thanh
Nhật noãn phong hòa ngạn liễu thanh
Chỉ thử cánh vô hồi tị xứ
Sâm sâm đầu giác hoạch nan thành.

THẤY TRÂU

Hoàng anh cất tiếng hót trên cành
Nắng ấm gió hoà bờ liễu xanh
Chỉ thế không nơi xoay trở lại
Đầu sừng rành rõ vẽ khôn thành.

4

得牛

竭盡神通獲得渠，
心强力壯卒難除。
有時才到高原上，
又入煙雲深處居。

ĐẮC NGƯU

Kiệt tận thần thông hoạch đắc cừ
Tâm cường lực tráng tốt nan trừ
Hữu thời tài đáo cao nguyên thượng
Hựu nhập yên vân thâm xứ cư

ĐƯỢC TRÂU

Dùng hết thần công bắt được y
Tâm hùng sức mạnh khó khăn ghì
Có khi vừa hướng cao nguyên tiến
Lại xuống khói mây mãi nằm ì.

5

牧牛

鞭索時時不離身。
恐伊縱步惹埃塵。
相將牧得純和也。
羈鎖無拘自逐人。

MỤC NGƯU

Tiên sách thời thời bất li thân
Khủng y túng bộ nhạ ai trần
Tướng tương mục đắc thuần hoà dã
Kì toả vô câu tự trục nhân.

CHĂN TRÂU

Nắm chặt dây roi chẳng lìa thân
Ngại y chạy sổng vào bụi trần
Chăm chăm chăn dữ thuần hoà dã
Dây mũi buông rồi vẫn theo gần.

6

騎牛歸家

騎牛沫汁欲還家。
霞笛聲聲送晚霞。
一拍一歌無限意。
知音何必鼓唇牙。

KỊ NGƯU QUY GIA

Kị ngưu mạt trấp dục hoàn gia
Hà địch thanh thanh tống vãn hà
Nhất phách nhất ca vô hạn ý
Tri âm hà tất cổ thần nha.

CƯỠI TRÂU VỀ NHÀ

Cưỡi trâu thong thả trở về nhà
Tiếng sáo vi vu tiễn vãn hà
Một nhịp một ca vô hạn ý
Tri âm nào phải động môi à.

7

忘牛存人

騎牛已得到家山。

牛也空兮人也閑。

紅日三竿猶作夢。

鞭繩空頓草堂間。

VONG NGƯU TỒN NHÂN

Kị ngưu dĩ đắc đáo gia san
Ngưu đã không hề nhân dã nhàn
Hồng nhật tam can do tác mộng
Tiên thằng không đốn thảo đường gian.

QUÊN TRÂU CÒN NGƯỜI

Cưỡi trâu về thẳng đến gia san
Trâu đã không rồi người cũng nhàn
Mặt nhật ba sào vẫn say mộng
Dây roi dẹp bỏ bên cạnh sàng.

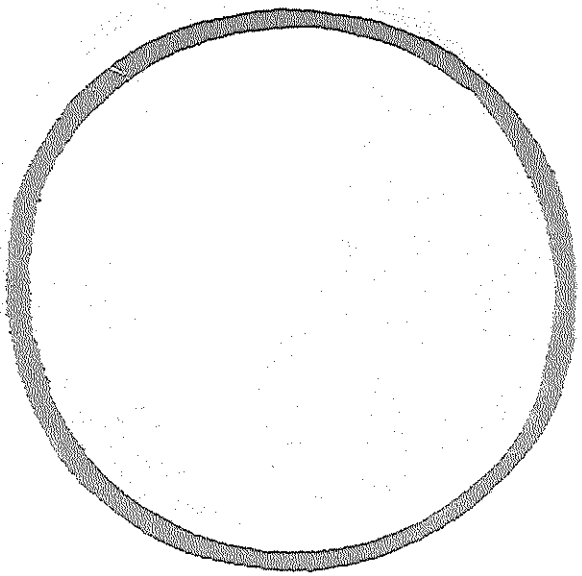

8

人牛俱忘

鞭索人牛盡屬空。
碧天遼闊信難通。
紅爐焰上爭容雪。
到此方能合祖宗。

NHÂN NGƯU CÂU VONG

Tiên sách nhân ngưu tận thuộc không
Bích thiên liêu khoát tín nan thông
Hồng lô diễm thượng tranh dung tuyết
Đáo thử phương năng hợp tổ tông.

NGƯỜI TRÂU ĐỀU QUÊN

Roi gậy, người trâu thảy đều không
Trời xanh thăm thẳm tin chẳng thông
Lò hồng rừng rực nào dung tuyết
Đến đó mới hay hiệp Tổ Tông.

9

返本還源

返本還源已費功，
爭如直下若盲聾。
庵中不見庵前物，
水自茫茫花自紅。

PHẢN BẢN HOÀN NGUYÊN

Phản bản hoàn nguyên dĩ phí công
Tranh như trực hạ nhược manh lung
Am trung bất kiến am tiền vật
Thủy tự mang mang hoa tự hồng.

TRỞ VỀ NGUỒN CỘI

Phản bản hoàn nguyên đã phí công
Đâu bằng thẳng đó tợ mù câm
Trong am chẳng thấy ngoài vật khác
Nước tự mênh mông hoa tự hồng.

10

入廛垂手

露胸跣足入鄽來，
抹土涂灰笑滿腮。
不用神仙真秘訣，
直教枯木放花開。

NHẬP TRIỀN THÙY THỦ

Lộ hung tiển túc nhập triền lai
Mạt thổ đồ khôi tiếu mãn tai
Bất dụng thần tiên chân bí quyết
Trực giáo khô mộc phóng hoa khai.

THÕNG TAY VÀO CHỢ

Chân trần bày ngực thẳng vào thành
Tô đất trét bùn nụ cười thanh
Bí quyết thần tiên đâu cần đến
Cây khô cũng khiến nở hoa lành.

CHÚC XUÂN GIÁP NGỌ 2014

Năm hết tết đến, mừng xuân Giáp Ngọ 2014, chúc mừng TẬP VĂN HƯƠNG THIỀN luôn luôn phát triển vững vàng, là món ăn tinh thần của đại gia đình Chánh pháp.

HƯƠNG THIỀN, một tuyển tập văn thơ có nhiều kinh nghiệm trong biên tập và công tác tổ chức bản thảo, lúc nào cũng có có ý tưởng mới, sắp xếp bài vở phong phú, đáp ứng được nhu cầu học Phật. Nhóm bài có nguồn gốc ngoại văn dịch thuật khá chuẩn mực, những bài viết của chư tôn Hòa Thượng, Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni là nguồn cung cấp tài liệu tu học cho hàng Phật tử tứ chúng đồng tu.

Nhân dịp Xuân về, kính chúc Nhà Xuất bản Văn hóa – Văn nghệ, cơ quan chịu trách nhiệm biên tập và cấp phép cho Hương Thiền, nhiều sức khỏe và thành đạt.

Chúc Ban Chủ nhiệm, Ban Biên soạn thân tâm an lạc, trí tánh thường minh.

Chúc quý vị cộng tác viên và độc giả năm mới an khang thịnh vượng.

Chúc HƯƠNG THIỀN vô lượng an lạc.

Nam mô A Di Đà Phật

Quan Âm tu viện, ngày 6/12/2013

HT. Thích Giác Quang

Ngõ Vào Thiền

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

Bạn có thể vào thiền bất cứ ngõ nào, vì toàn thể đời sống là một sự thiền định sâu xa: núi đồi, trăng sao, hoa lá, cây cỏ, toàn trái đất đều đang nhập định. Bất cứ sự vật gì cũng có thể trở thành ngõ vào thiền. Chính vì vậy mà có rất nhiều kỹ thuật, rất nhiều giáo phái. Và cũng chính vì vậy mà tôn giáo này không hiểu tôn giáo kia – vì họ nhập đạo bằng những ngõ khác nhau. Đôi khi có những người mà bạn sẽ không nhận ra là họ có "tôn giáo" mặc dù họ vẫn có một niềm tin, sự nhiệt thành của người theo một tôn giáo ...

Sri Aurobindo nói: Toàn thể đời sống là Du già (Yoga). Đúng thế, mọi sự có thể trở thành một pháp thiền. Và bạn chưa thực sự thiền định, khi bạn chỉ ngồi thiền một lúc nào đó trong ngày, khi bạn không biến mọi chuyện thành thiền pháp. Thiền không chỉ là một phần trong đời bạn mà là một phẩm chất của đời bạn, như hơi thở. Bạn muốn tiếp tục thở, dù bạn đang làm bất cứ việc gì, chứ không thể khi thở khi không.

Thiền là một hơi thở tâm linh. Cũng như thân thể đang thở không khí, tâm bạn cũng có thể thở với ý thức tỉnh giác. Và khi bạn hít vào thở ra với ý thức thì bạn không chỉ là một thân xác vật lý , mà từ đó có một sự thở "cao cấp", nghĩa là thở trong tỉnh thức, hít thở chính sự sống . Khi ấy bạn đi vào một lĩnh vực khác, gọi là lĩnh vực siêu hình.

Sự thở của bạn là vật lý, còn thiền định, ý thức tỉnh giác – awareness - là siêu hình. Bạn không thể chỉ ngồi thiền vào buổi sáng, rồi quên tuốt chuyện ấy vào buổi chiều. Bạn không thể đi vào một ngôi chùa để thiền, rồi ra khỏi chùa là hết thiền. Ấy là làm một điều giả dối. Bạn có thể vào chùa rồi đi ra nhưng không thể vào thiền rồi đi ra. Khi đã "vào" thiền, thì kể từ ấy, dù bạn đi đâu, thiền sẽ luôn luôn đi theo chân bạn.

Lại nữa, bạn có thể vào thiền từ bất cứ ngõ *nào, vì toàn thể đời sống là một thiền định sâu xa:* núi đồi, trăng sao, hoa lá, cây cỏ, toàn trái đất đều đang nhập định. Bất cứ sự vật gì cũng có thể trở thành ngõ vào thiền. Chính vì vậy mà có rất nhiều kỹ thuật , rất nhiều giáo phái. Và cũng chính vì vậy

mà tôn giáo này không hiểu tôn giáo kia – vì họ nhập đạo bằng những ngõ khác nhau. Đôi khi có những đạo, thậm chí không mang tên là "đạo", bạn sẽ không nhận ra là họ có "tôn giáo" mặc dù họ vẫn có một niềm tin và sự nhiệt thành của kẻ chỉ theo một tôn giáo. Ví dụ một nhà thơ có thể đi vào thiền định, không cần đến bậc thầy nào, cũng không đi chùa và hoàn toàn không được xem là người có tôn giáo. Nhưng ông ta có thể "nhập đạo" bằng thơ văn, bằng tính sáng tạo trong mình. Hoặc một người thợ gốm cũng có thể nhập thiền, chỉ nhờ nắn đồ gốm. Mỗi ngành nghề đều có thể trở thành một cổng vào đạo. Người bắn tên, người làm vườn, hay bất cứ ai cũng có thể vào đạo từ khắp mọi hướng. Bất cứ điều gì bạn làm cũng có thể trở thành ngõ vào đạo. Nếu việc làm của bạn có phẩm chất của tỉnh giác trách nhiệm

Vậy thì hành vi, kỹ thuật, phương pháp không quan trọng bằng ý thức tỉnh giác mà bạn đặt vào mỗi hành vi mình làm.

Kabir, một đạo sĩ Ấn vốn là thợ dệt, sau khi đắc đạo, ông vẫn dệt áo. Nhưng đồ đệ thường bảo ông: "*Xin thầy nghỉ ngơi đi, chúng con sẽ cúng dường bất cứ gì thầy cần*". Ông cười lớn và bảo: *"Việc ta làm không phải là dệt. Dệt chỉ là hành vi bên ngoài, đồng thời trong ta, đang tiếp tục một việc mà các con không thể thấy: Đấy là thiền định của ta"*.

Và một đạo sĩ khác, Gora,vốn là một thợ gốm, ông nắn những bình đất, và khi bình được xoay quanh trục thì trong tâm ông cũng đang tập trung vào chánh niệm tỉnh giác. Chiếc bình được tạo

ra chỉ là sản phẩm phụ. Ông ta đang sáng tạo chính mình, qua việc nắm đồ gốm.

Paul Valéry nói: *"Tout homme crée sans la savoir – Mais l'artiste se sent crée–son acte engage tout son être – Et la souffrance le fortifie"*.

Tạm dịch :

Mọi người sáng tạo, nhưng ai nào tự biết ?
Nghệ sĩ thấy mình sáng tạo từng giây
Sống hết mình cho mỗi một hành vi
Và đau khổ biến thành nguồn nghị lực.

Đạo sĩ chính là nghệ sĩ của nghệ thuật " *Sống cho ra hồn*".

Khi thiền định, ta chỉ thấy mình như một làn sóng trên đại dương cuộc đời. Nói cho cùng thì chỉ có biển hiện hữu mà thôi. Không thể có những làn sóng mà không có biển. Sóng chỉ là hiện tượng, mà biển là thực chất.

Ngôn ngữ đã tạo nhiều rắc rối. Vì ta nói "một làn sóng" nên có vẻ như sóng là một cái gì đó thực chất. Lẽ ra nên nói "dậy sóng" thì hơn, vì đấy là một chuyển động, không phải một vật thể. Biển có thể lặng yên hay chuyển động, nhưng không thể nào có một làn sóng lặng yên. Lại nữa, sóng nổi lên như những cá nhân riêng lẻ, có lớn có nhỏ khác nhau, có sóng này đang lên thì sóng khác đang xuống, nhưng thực tại là biển cả đằng sau chúng thì chỉ là một; và *những làn sóng đều tương quan lẫn nhau*, dù chúng có vẻ tách rời.

Chúng ta cũng chỉ là những làn sóng trên đại dương vũ trụ. Hơi thở vào của mỗi người là hơi thở ra của người khác, của cây cối và mọi sinh vật khác.

Lại nữa, bạn có thể vào thiền từ bất cứ ngõ nào, vì toàn thể đời sống là một thiền định sâu xa: Núi đồi, trăng sao, hoa lá, cây cỏ,toàn trái đất đều đang nhập định.

Bất cứ sự vật gì cũng có thể trở thành ngõ vào thiền.

Trong ta có toàn thể mọi người, mọi sự. Tính cá nhân, riêng rẽ chỉ là huyễn hoặc, mê lầm. Bởi thế, chấp ngã là chướng ngại duy nhất, và mọi tôn giáo đều lên án thái độ ích kỷ, chỉ biết có mình. Nói rằng không có Thượng đế cũng không sao, nhưng bảo "chỉ có tôi quan trọng" là thái độ phi tôn giáo.

Đức Phật là một người không tin vào một ông Thượng đế nào cả. Vậy nếu bạn không tin Thượng đế thì điều đó không phải là yếu tố cơ bản cho tinh thần tôn giáo, mà vô ngã mới là cơ bản. **Và cho dù bạn có tin Thượng đế mà tâm bạn ích kỷ thì cũng là phi tôn giáo. Với tâm vô ngã thì không cần tin Thượng đế, vì tâm ấy tự nhiên là rất thánh thiện.**

Hãy nhớ biển cả mà bỏ qua làn sóng. Vì mỗi khi khởi sự giống như một làn sóng cá nhân, ta đang làm quấy và sẽ tạo ra đau khổ vì đã chống lại quy luật phổ quát.

Đấy là ý nghĩa về nghiệp báo trong đạo Phật.

BAN TRỊ SỰ GHPGVN QUẬN 8

Văn phòng: CHÙA HUỆ LÂM: 154 Tùng Thiện Vương, P.11. Q.8, TP.HCM - ĐT: (08)38 555 041

Kính chúc:

Chư tôn Hòa thượng,Thượng tọa, quý Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni; quý lãnh đạo các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể, quý Nam Nữ Phật tử, năm mới:

Vô lượng an lạc

Vô lượng kiết tường như ý.

TM. Ban Trị sự GHPGVN Quận 8

Trưởng ban:*HT. THÍCH THIỆN LƯƠNG*

Phó ban TT*: TT. Thích Thiện Tài*

Phó ban: *TT. Thích Huệ Công*

Thư ký: *TT. Thích Hiển Định*

CHÙA LINH BỬU

71/9 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.HCM/ ĐT: (08)38 500 864

Kính chúc:

Chư tôn thiền đức Tăng, Ni, quý cơ quan, Phật tử năm mới:

Thân tâm thường an lạc

Vạn sự kiết tường như ý.

TT. THÍCH THIỆN TÀI

Phó TT Ban Trị sự PG.Q8

Trụ trì chùa Linh Bửu

CHÙA TỪ PHƯỚC

574/6 Phạm Thế Hiển, P.4, Q.8, TP.HCM - ĐT: (08)38 500 850

Kính chúc:

Chư tôn Hòa thượng,Thượng tọa, quý Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni; quý lãnh đạo các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể, quý Nam Nữ Phật tử, năm mới:

Phước huệ song tu

Thân tâm thường an lạc

Vạn sự kiết tường như ý .

Ủy viên BTS GHPGVN TP.HCM

Trưởng ban Trị sự Phật giáo Q.8

Trụ trì chùa Từ Phước

HT.Thích Thiện Lương

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

BAN ĐẠI DIỆN PHẬT GIÁO NGƯỜI HOA - TP. HỒ CHÍ MINH

VP: 66/14 Nghĩa Thục, P.5, Q.5 / ĐT: 0838181955

Phật lịch: 2557 – Dương lịch: 2014/ Mừng Xuân Giáp Ngọ

Nhân dịp Xuân về,

Kính chúc chư tôn giáo phẩm lãnh đạo Trung ương GHPGVN; Thường trực Ban Trị sự Thành hội PG TP.HCM; Quý vị lãnh đạo Thành Ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN, Ban Công tác người Hoa TP.HCM.

Đồng kính chúc quý vị lãnh đạo Quận ủy, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban MTTQVN Quận 5, Quận 8, một năm mới:

Đạt nhiều thắng lợi mới;

Phước thọ vô cương, vạn hạnh kiết tường.

TM. BAN ĐẠI DIỆN PHẬT GIÁO NGƯỜI HOA TP.HCM

Chánh đại diện

TT. THÍCH HUỆ CÔNG

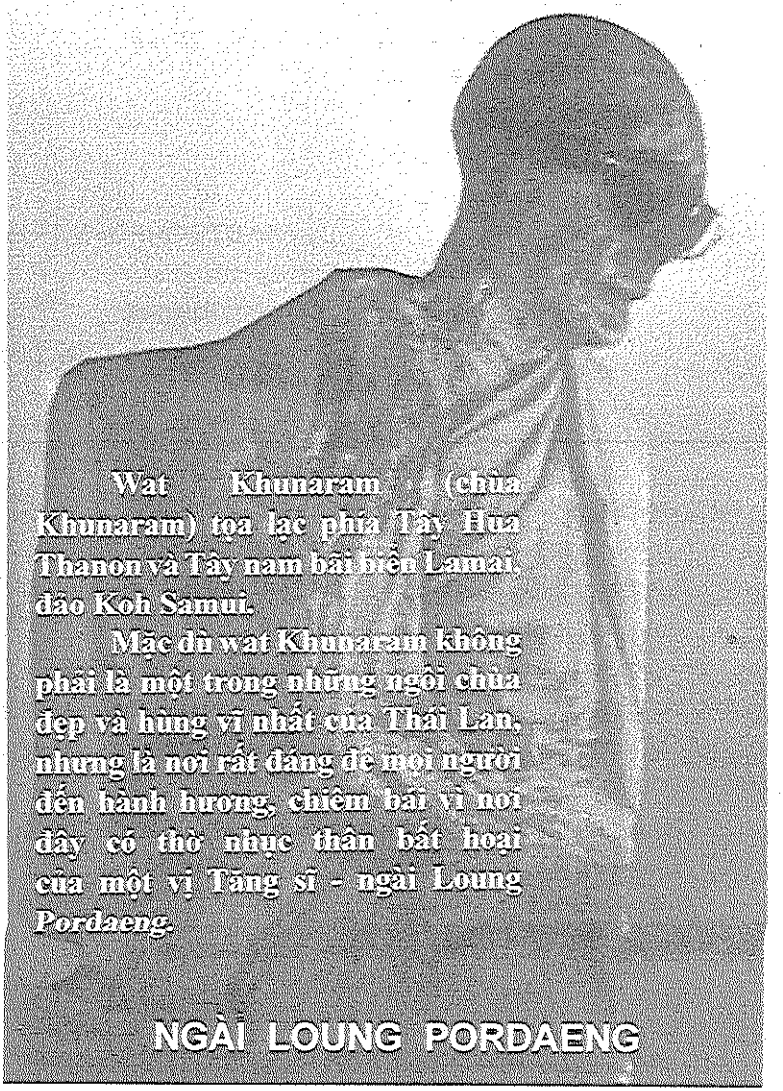

Wat Khunaram (chùa Khunaram) tọa lạc phía Tây Hua Thanon và Tây nam bãi biển Lamai, đảo Koh Samui.

Mặc dù wat Khunaram không phải là một trong những ngôi chùa đẹp và hùng vĩ nhất của Thái Lan, nhưng là nơi rất đáng để mọi người đến hành hương, chiêm bái vì nơi đây có thờ nhục thân bất hoại của một vị Tăng sĩ - ngài Loung *Pordaeng*.

NGÀI LOUNG PORDAENG

Nhục thân bất hoại của ngài Loung Pordaeng

MINH NGUYÊN

Ngài Loung Pordaeng sinh ra trong một gia đình quý tộc tại vùng Koh Samui vào năm 1894 với tên gọi Dang Piyasilo. Giống như bao nhiêu người nam Phật tử khác ở Thái Lan, vừa bước qua tuổi 20, Dang Piyasilo đã xuất gia tu học trong vòng hai năm, sau đó trở lại cuộc sống đời thường và kết hôn với một người con gái cùng quê.

Dang Piyasilo đã có một cuộc sống hôn nhân hạnh phúc và có được sáu người con. Sau này, khi các con khôn lớn, Dang Piyasilo đã xuất gia trở lại, năm ấy Dang Piyasilo được năm mươi tuổi, và phát nguyện cống hiến phần thời gian còn lại của cuộc đời mình cho Phật pháp. Lúc này ngài được được đặt pháp danh là Phra Kru Samathakittikhun.

Sau một thời gian ở Bangkok để học thiền và học giáo pháp, ngài Phra Kru Samathakittikhun đã trở lại Koh Samui và chuyên tâm thực hành thiền định trong hang động, sau đó trở về wat Khunaram,

đảm nhiệm chức vị trụ trì.

Ngài rất giỏi về thiền tập và giáo pháp, nên từ khi ngài trụ trì wat Khunaram, rất nhiều người đã đến với ngài để cầu học, và ngài thọ nhận nhiều đệ tử. Khi bước sang tuổi bảy mươi chín, biết sắp phải từ giã cõi đời, ngài gọi các đệ tử đến và dặn rằng: Sau khi ngài qua đời, nếu nhục thân ngài bị phân hủy thì hãy đem đi hỏa thiêu. Còn nếu nhục thân ngài không bị phân hủy thì hãy đặt trong lồng kính và thờ tại wat Khunaram để các thế hệ sau nhìn vào nhục thân ngài mà tăng thêm lòng tin và chuyên tâm thực hành giáo pháp của Phật.

Trong tuần cuối cùng trước khi từ giã cõi đời, ngài Loung Pordaeng ngưng tất cả mọi sự nói năng, ăn uống, chuyên tâm hành thiền và nhập vào trạng thái chánh định cho đến khi ngừng thở. Và ngài đã ra đi trong tư thế thiền tọa. Vâng theo lời ngài chỉ dạy trước lúc qua đời, sau một thời gian tổ chức tang lễ, nhận thấy nhục thân ngài không hề bị phân hủy, các đệ tử đã giữ nhục thân ngài nguyên trạng trong tư thế thiền tọa và đặt nhục thân ngài vào một lồng kính phụng thờ.

Như vậy, ngài Loung Pordaeng viên tịch ở tuổi bảy mươi chín, năm ấy là năm 1973. Gần bốn mươi năm trôi qua, nhục thân ngài vẫn bất hoại với thời gian, chỉ có đôi mắt ngài do nhãn cầu bị khô nên đã bị lọt sâu vào bên trong, do đó chư Tăng đã dùng kính râm đeo lên.

Giờ đây, khi đến thăm wat Khunaram, khách hành hương, Phật tử vẫn được chiêm bái nhục thân của ngài trong tư thế thiền tọa như lúc ban đầu.

Thường thì sau khi chết, thân xác của con người nhanh chóng bị phân hủy trong môi trường nóng và ẩm thấp. Tuy nhiên, đâu đó vẫn tồn tại một vài nhục thân bất hoại sau khi chết, và điều này *thường chỉ xảy ra đối với các bậc tu hành*. Một số người cho rằng đây là một phép mầu.

Người khác thì cho rằng, với lối sống ít tiêu thụ thực phẩm nên sự trao đổi chất diễn ra thấp, dẫn đến giảm bớt nhu cầu về oxygen, cộng với các kỹ thuật thiền định của ngài Loung Pordaeng là lời giải thích cho việc nhục nhân ngài có thể giữ nguyên tư thế thiền tọa và bất hoại với thời gian.

Đối với người dân Thái Lan nói riêng và người Phật tử nói chung, mọi người rất kính trọng nhục thân của bậc chân tu, được chiêm bái nhục thân của các vị là một diễm phúc, là phước báo lớn. Kể từ khi nhục thân của ngài Loung Pordaeng được tôn thờ tại wat Khunaram, khách hành hương và Phật tử trong và ngoài nước đến viếng chùa và chiêm bái nhục thân ngài ngày càng đông.

Đặc biệt, từ khi đảo Ko Samui được khai thác và phát triển mạnh về du lịch, thu hút đông đảo du khách phương Tây đến du lịch, thì wat Khunaram càng trở thành một điểm đến hấp dẫn. Hình ảnh nhục thân bất hoại của ngài đem đến cho mọi người một cái nhìn sâu sắc về đạo Phật và văn hóa Thái Lan.

KINH CON NGỰA

(Bài số 59 trong Lục Độ Tập kinh)

Bồ-tát thuở xưa, thân làm ngựa chúa, tên là Khu-đa, thường ở ven biển độ người nổi trôi.

Bấy giờ, ở bờ bên kia, có bọn quỷ dâm nữ rất đông. Chúng thấy các lái buôn đi qua, liền hóa làm thành quách, nơi ở, vườn tược, kỹ nhạc, đồ ăn thức uống, rồi biến làm người đẹp, nhan sắc rực rỡ, gọi mời đám thương nhân ấy, rượu nhạc vui chơi. Quỷ mị mê hoặc bao người, khiến họ đều lưu lại ăn ở với chúng. Chừng khoảng một năm thì quỷ dâm nhàm chán, dùng dao sắt đâm vào cổ họng họ để uống máu, ăn thịt, hút tủy. Ngựa chúa xa trông thấy bọn quỷ dâm ăn thịt người mà rơi nước mắt, nhân bay qua biển đến bờ bên kia,

kiếm được gạo giả trắng, ngựa chúa ăn uống xong, lên núi kêu lớn tiếng:

- Ai muốn vượt qua biển không?

Kêu như thế ba lần. Đám thương nhân nghe lời kêu, vui mừng, nói:

- Thường nghe ngựa thần hay thương xót cứu độ ách nạn, nay được gặp rồi sao?

Họ vui mừng đến với ngựa thần, nói:

- Xin thương xót cứu giúp chúng tôi.

Ngựa nói:

- Các ngươi ra đi thì bọn quỷ dâm ắt sẽ bế con đến đưa cho các ngươi, rồi kêu khóc đuổi theo. Kẻ nào có lòng luyến ái ở lại, thì khi ta đi rồi bọn quỷ ắt sẽ dùng dao sắt đâm vào cổ họng các ngươi mà uống máu, ăn thịt. Còn ai lòng ngay nghĩ lành thì sẽ được toàn mạng. Phàm ai muốn trở về thì hãy cỡi lên lưng ta, níu lấy bờm, đuôi, ôm lấy cổ đầu, tự do bám vào rồi níu vịn lẫn nhau, thì ắt được sống gặp lại người thân.

Những thương nhân tin lời của ngựa thần, đều được toàn mạng, trở về gặp lại những người thân yêu. Còn bọn mê theo dâm nữ, tin quỷ yêu độc hại thì không ai là không bị chúng ăn thịt. Hễ kẻ nào tin theo chánh pháp, bỏ tà ngụy thì suốt đời này mãi được an lành.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Ngựa chúa ngày ấy là thân Ta.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

Nguyễn Hải Thảo

NGỰA HỒNG

Trên đồng cỏ hoang
Ngựa phi nước đại
Trên đồng cỏ hoang
Ta nằm mê mỏi

Ta nằm mê mỏi
Vó ngựa tung trời
Hằn in dấu cát
Ta buồn, em ơi!

Ta buồn, em ơi!
Nửa đời cay nghiệt
Một tình yêu rơi
Trái tim đau điếng!

Trái tim đau điếng!
Lẩn quẩn hiên đời
Em xa biền biệt
Nỗi nhớ khôn nguôi

Nỗi nhớ khôn nguôi
Hắt hiu ngọn cỏ
Ngựa hồng rong chơi
Bao giờ mỏi vó?

Bao giờ mỏi vó?
Trở lại đồng xưa
Tìm tên chăn ngựa
Có ta đứng chờ...

Nguyễn Bính

HÀNH PHƯƠNG NAM

Hai ta lưu lạc phương Nam này
Trải mấy mùa qua én nhạn bay
Xuân đến khắp trời, hoa rượu nở
Riêng ta với ngươi buồn vậy thay!
Lòng đắng sá gì non hớp rượu
Mà không uống cạn, mà không say?
Lời thề buổi ấy cầu Tư Mã
Mà áo khinh cừu không ai may

Ngươi giam chí lớn vòng cơm áo
Ta trói thân vào nợ nước mây
Ai biết thương nhau từ thuở trước
Bây giờ gặp nhau trong phút giây

Nợ tình chưa trả tròn một món
Sòng đời thua đến trắng hai tay
Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Trông lại tha hồ mây trắng bay

Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc
Phân tán vì cơn gió bụi này
Ngươi đi buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy

Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết
Ngày mai ra sao rồi hãy hay
Ngày mai sán lạn màu non nước
Cốt nhất làm sao tự buổi này

Rẫy ruồng châu ngọc, thù son phấn
Mắt đỏ lên rồi cứ chết ngay
Hỡi ơi Nhiếp Chính mà băm mặt
Giữa chợ ai người khóc nhận thây

Kinh Kha quán lạnh sầu nghiêng chén
Ai kẻ dâng vàng, kẻ biếu tay?
Mơ gì Ấp Tiết thiêu văn tự
Hài cỏ gươm cuồng ta đi đây

Ta đi, nhưng biết về đâu chứ?
Đã dấy phong yên lộng bốn trời
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ,
Uống say mà gọi thế nhân ơi!

Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ
Ta với nhà ngươi cả tiếng cười
Người ơi! Hề người ơi!
Người sang bên ấy sao mà lạnh
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi.

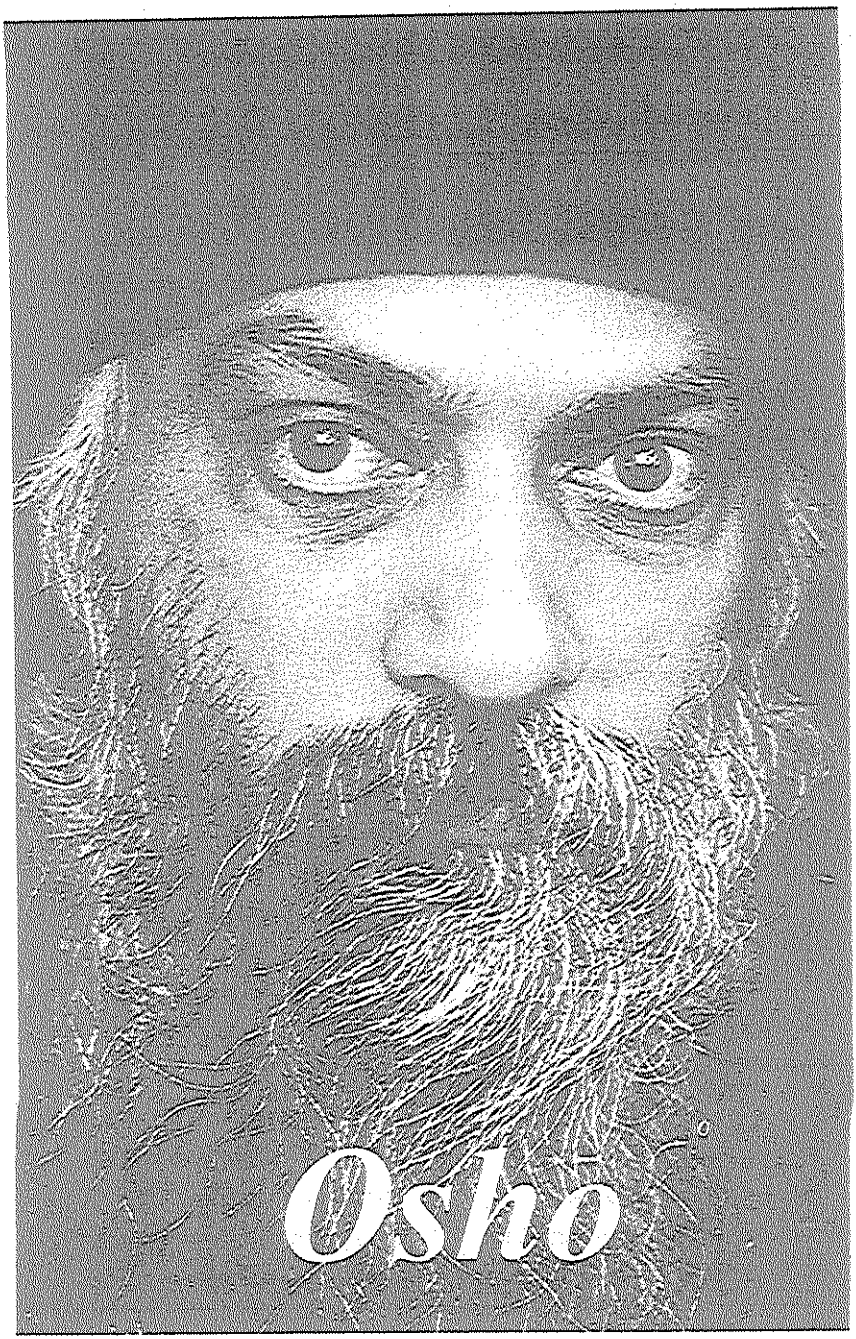
Osho

Thiền định - Nghệ thuật sống

Osho

Osho kính yêu,

Thầy vừa nói rằng đa phần nhân loại chỉ sống như là thực vật. Xin hãy giải thích về cách sống thế nào để cái chết có thể trở thành một lễ hội ?

1.

Con người sinh ra để hiện thực cuộc sống, nhưng điều đó còn tùy vào anh ta. Anh ta có thể thở, có thể ăn, có thể đi, có thể già, và có thể tiến dần tới nấm mộ...nhưng điều này không phải là "cuộc sống". Cái này gọi là sự chết dần từ cái nôi đến nấm mộ, chính xác là cái chết mòn trong bảy mươi năm.

Bởi vì hàng triệu người quanh bạn đang chết trong cái kiểu chết dần mòn này, cho nên bạn cũng bắt chước họ. Trẻ con thì học mọi thứ từ những người xung quanh, mà xung quanh thì toàn là sự chết.

Cho nên điều đầu tiên bạn phải hiểu đời sống (life) có nghĩa gì?

"Đời sống" không phải chỉ đơn giản là già

đi (growing old)

Mà "Đời sống" phải là lớn lên và trưởng thành (growing up).

Và đây là hai điều hoàn toàn khác biệt.

Trở nên già, mọi con vật đều có khả năng như thế. Còn trưởng thành lại là đặc quyền riêng của loài người. Nhưng tiếc thay chỉ có một ít người đòi hỏi cái đặc quyền đó.

Lớn lên và trưởng thành (growing up) có nghĩa là sống từng khoảnh khắc sâu trong nguyên lí của đời sống. Điều đó có nghĩa là đi thoát ra khỏi sự chết, chứ không phải đi dần đến sự chết. Bạn càng đi sâu vào sự sống, bạn càng nhận ra cái bất tử của chính bạn. Có một khoảnh khắc nào đó bạn sẽ nhận biết rằng sự chết chẳng là cái gì, cũng giống như thay đổi quần áo, thay đổi nhà cửa, thay đổi hình dạng... chẳng có cái gì chết, và chẳng có cái gì có thể chết. Sự chết là một ảo giác lớn nhất của con người.

Để trưởng thành hãy nhìn cái cây. Khi cái cây lớn rễ của nó mọc sâu. Đó là sự cân bằng, cây càng lớn rễ càng sâu; rễ nhỏ không chịu nổi sức nặng của cây lớn.

Trong đời sống trưởng thành (growing up) là mọc sâu (growing deep) vào trong chính bạn.

2.

Với tôi, nguyên lý đầu tiên của đời sống là *thiền định (meditation). Mọi điều khác là thứ cấp.* Và tuổi thơ là thời gian đẹp nhất. Khi bạn già hơn, gần cái chết hơn, bạn càng khó khăn hơn để đi vào thiền định.

Thiền định có nghĩa là đi vào sự bất tử của

bạn, vào sự vĩnh hằng của bạn, đi vào bản chất thần thánh của bạn. Trẻ con là con người đầy đủ phẩm chất nhất cho thiền định bởi vì trẻ con chưa bị chất nặng bởi giáo dục, kiến thức, tôn giáo hay bởi nhiều loại rác rưởi khác. Trẻ con thì ngây thơ, vô nhiễm, vô tội (tiếng Anh chỉ dùng có có một chữ là innocent) Nhưng bất hạnh thay sự ngây thơ của trẻ con bị coi giống như là không hiểu biết (ignorant).

"Không hiểu biết" và "ngây thơ" cũng có chỗ giống nhau nhưng chúng không phải là một. Ignorance là tình trạng không biết, giống như ngây thơ. Nhưng có một khác biệt lớn mà cả nhân loại đến bây giờ cũng không biết. Ngây thơ là không có kiến thức nhưng không hề khao khát có được kiến thức. Ngây thơ tự nó tròn đầy ý nghĩa. Một đứa con nít không có tham vọng, không có ước vọng. Nó luôn luôn sống hết mình trong từng khoảnh khắc sống của nó... Một con chim bay qua, đứa trẻ nhìn không chớp mắt; hay chỉ thoáng thấy một con bướm màu sắc đẹp cũng đủ để đứa trẻ hát ca. Với một cái cầu vồng trên trời, đứa trẻ sẽ ngây ngất như không còn biết điều gì huy hoàng hơn nữa. Cũng cảm giác như thế đến với trẻ con, khi chúng nhìn thấy trăng sao vằng vặc trong đêm tối mênh mông. "Ngây thơ vô nhiễm" là tinh khiết, là tràn đầy, là giàu có.

"Không hiểu biết" là nghèo nàn là ăn xin...là tôi muốn điều này, tôi muốn điều kia, tôi muốn được hiểu biết, tôi muốn được kính trọng, tôi muốn được giàu sang, tôi muốn được quyền lực.

Không hiểu biết (ignorance) đi trên con

đường của khát khao.

Ngây thơ vô nhiễm (innocence) là trạng thái không hề khát khao.

Nhưng bởi vì cả hai trường hợp cùng là tình trạng không có kiến thức (knowledge) nên chúng ta thường lầm lẫn và qui kết rằng chúng cũng như nhau.

Bước đầu tiên trong nghệ thuật sống là nhìn thấy cái ranh giới phân biệt giữa cái không hiểu biết(ignorance) và sự ngây thơ vô nhiễm (innocence). Sự ngây thơ vô nhiễm phải được củng cố và bảo vệ, bởi vì đứa trẻ được sinh ra với sự ngây thơ nghĩa là với một kho báu lớn, cái kho báu mà các nhà thông thái phải đi tìm cả đời với nỗ lực nhọc nhằn. Các minh sư thường nói rằng họ đã trở lại trẻ thơ một lần nữa, họ đã được tái sanh.

Ở Ấn Độ một người Bà la môn thực sự, nghĩa là một người hiểu biết thực sự, tự gọi mình là Dwij, nghĩa là được sinh hai lần. Tại sao lại được sinh hai lần? Cái gì đã xảy ra trong lần sinh thứ nhất? Tại sao cần phải có lần sinh thứ hai? Lần sinh thứ hai ông ấy được gì? Trong lần sinh thứ hai ông ấy lấy lại tất cả những cái ông ta đã có trong lần sinh thứ nhất, nhưng cái mà cha mẹ, xã hội, và tất cả những người xung quanh đã hủy diệt và triệt tiêu chúng.

Trẻ con đang bị nhồi nhét đầy ắp những kiến *thức. Cái đơn thuần và trong sáng* vì thế bị cướp mất, lí do là ai cũng biết cái đơn thuần không giúp được gì cho đứa trẻ trong cái xã hội cạnh tranh này. Một đứa trẻ đơn thuần (simple) thường bị coi là ngốc nghếch, và đứa trẻ ngốc nghếch sẽ bị cuộc đời lợi

dụng và bóc lột. Sợ hãi xã hội, sợ hãi thế giới, chúng ta tự thay đổi mình để thích ứng và cũng muốn làm cho trẻ con trở thành thông minh, sắc sảo, đầy kiến thức, để chúng được hội nhập vào thế giới quyền lực mạnh mẽ, chứ không để chúng rơi vào sự yếu kém hay bị áp bức. Và một khi đứa trẻ lớn lên sai định hướng, nó sẽ tiếp tục con đường sai lầm đó, cả cuộc đời nó sẽ tiếp tục bị sai lầm.

Bất cứ khi nào bạn thấy rằng dường như bạn đã đánh mất cuộc sống, nguyên tắc đầu tiên là tìm lại sự ngây thơ (innocent).

Buông kiến thức xuống, quên hết kinh điển đi, quên tôn giáo đi, quên thần học và triết lí đi. Cố gắng để được sinh ra một lần nữa, trở lại ngây thơ... và điều này bạn có thể làm được, bằng cách: Tẩy sạch tâm trí của bạn, tẩy sạch tất cả những gì không phải là của bạn, tẩy sạch tất cả những gì vay mượn, tất cả những gì thuộc về truyền thống, qui ước, tất cả những gì thuộc về người khác như cha mẹ, thầy giáo, trường đại học... tẩy sạch, vất tất cả. Một lần nữa ta trở nên đơn thuần.

Điều diệu kỳ này có thể thực hiện được nhờ **thiền định.**

3.

Thiền định chỉ là một phương pháp phẫu thuật lạ kì, nó cắt bỏ đi tất cả những gì không thuộc về bạn, chỉ để lại con người thực sự của bạn mà thôi. Thiền định thiêu hủy tất cả mọi thứ và để lại bạn như một con người trần trụi cô độc dưới ánh mặt trời. Để bạn thấy dường như mình là người đầu tiên sinh ra trên mặt đất, không hiểu, không biết một

điều gì, người phải khám phá lại tất cả, phải tìm kiếm, phải hành hương.

Đời sống phải là cuộc truy tìm, không phải là một khát vọng. Đời sống là một tìm tòi, chứ không phải là tham vọng để trở thành cái này cái nọ, như trở thành chủ tịch một quốc gia, một thủ tướng, một bộ trưởng. Sống là để tìm ra Tôi là ai? Một điều rất lạ lùng là người ta thường không biết mình thực sự là ai, lại mong muốn trở thành một người như thế nào đó. Người ta không biết mình là ai ngay trong hiện tại, không quen thuộc với chính hiện hữu của mình nhưng bao giờ cũng muốn trở thành cái gì đó!

Trở thành một cái gì (becoming), đó là căn bệnh của tâm hồn.

Hiện sinh (being) mới chính là bạn.

Ngay lúc khám phá ra hiện sinh của mình thì đời sống bắt đầu. Rồi thì cứ mỗi khoảnh khắc sống của ta là một khám phá mới mẻ. Bất cứ một khoảnh khắc nào cũng là một niềm vui; Cánh cửa bí mật đã mở, tình yêu mới đâm chồi, đam mê mới xuất hiện, cảm xúc mới về cái đẹp, cái tốt. Bạn trở thành thật nhạy cảm, chỉ một cạnh sắc của lá cỏ cũng đem đến vô vàn cảm giác. Sự nhạy cảm làm cảm giác bạn rõ ràng đến mức dù là hiện hữu của chỉ một lá cỏ cũng bằng như hiện hữu của một vì sao; không có lá cỏ này hiện sinh dường như thiếu đi; và bởi vì lá cỏ này là duy nhất không có gì thay thế cho nên nó có riêng tính cá thể của nó.

Sự nhạy cảm sẽ tạo nên nhiều tình bạn. Tình bạn với cỏ cây, với chim muông, với thú vật, với núi đồi, với sông suối, với đại dương và với cả những vì

sao. Đời sống trở thành giàu có hơn vì tình yêu lớn dậy vì tình bạn lớn lên.

4.

Cuộc đời của thánh Francis đầy những chuyện đẹp. *Ngài thường phải đi trên một con lừa đây đó để* chia sẻ những thể nghiệm của mình. Vị thánh sắp chết.Tất cả đệ tử vây quanh để nghe lời cuối của ngài. Lời cuối của một vị thầy luôn luôn là điều gì tiêu biểu nhất vì nó chứa toàn bộ kinh nghiệm sống của thày. Nhưng các đệ tử không tin rằng mình đã nghe một điều như thế! Thánh Francis không nói gì với các đệ tử mà vấn an con lừa của ngài. Vị thánh nói: "Người anh em, tôi vô cùng mang ơn người anh em. Người anh em đã mang tôi đi khắp mọi nơi mà không hề than vãn, không hề càu nhàu. Trước khi rời bỏ thế giới này tất cả điều tôi muốn nói là xin hãy tha lỗi cho tôi; tôi đã không đối xử với người anh em bằng tình người chan chứa."

Đó là những lời cuối của thánh Francis. Cảm xúc bén nhạy trong lời nói với con lừa, "người anh em", "xin hay tha lỗi". Nếu bạn nhạy cảm hơn, cuộc sống sẽ lớn hơn. Nó sẽ không là cái ao nhỏ mà là một đại dương. Nó không giới hạn ở vợ con của bạn, nó không có giới hạn. Toàn bộ hiện hữu này trở thành gia đình bạn. Và chỉ khi nào toàn thể hiện hữu trở thành gia đình, bạn mới biết sự sống là gì. Con người không phải là một hòn đảo cô độc, tất cả chúng ta đều có kết nối.

Chúng ta là một lục địa lớn, hội tụ từ trăm nẻo đường về. Nếu trái tim chúng ta không tràn đầy tình yêu cho cái toàn thể thì đời sống chúng ta sẽ phải

ngắn hơn.

Thiền định sẽ làm cho ta nhạy cảm, ta sẽ cảm thấy mình gắn liền với thế giới. Thế giới là của chúng ta, trăng sao là của chúng ta, chúng ta không phải là người ngoài cuộc. Chúng ta thuộc về mọi tồn tại tự bên trong. Chúng ta là một phần và cũng là trái tim của tồn tại.

Thứ nữa, thiền định sẽ mang đến bạn sự yên tĩnh trọn vẹn vì tất cả kiến thức rác rưởi đã ra đi. Các suy nghĩ, các ý tưởng (những cái cấu thành tri kiến) cũng ra đi... Một sự yên tĩnh mênh mông, và rồi bạn sẽ ngạc nhiên cái yên lặng này lại chính là âm nhạc. Tất cả các loại âm nhạc trần gian chỉ là cái thể hiện từ sự yên lặng bên trong. Các nhà thần bí Đông phương đều cùng nhấn mạnh một điểm rằng: tất cả các nghệ thuật lớn như âm nhạc, thi ca, múa, hội họa, điêu khắc... đều sinh ra từ thiền định. Một cách nào đó có thể hiểu là các bộ môn nghệ thuật chính là những cái nằm trong thế giới không được biết bộc lộ ra ngoài thế giới đang được biết, và dành cho những ai chưa sẵn sàng cho cuộc hành trình trí tuệ của mình. Chúng là quà tặng cho những người chưa đi trên cuộc hành trình trí tuệ. Đôi khi một bản nhạc, một bức tượng... cũng có thể khơi dậy nỗi khát khao đi tìm nguồn cội.

5.

Bạn này, khi nào bạn bước vào ngôi chùa của Phật Thích ca hay ngôi đền của Mahavira, cứ ngồi yên lặng lẽ ngắm nhìn bức tượng. Bức tượng thì chả có liên hệ nào với Thích ca hay Mahavira, nhưng nó đã được làm và tính toán

theo một tỷ lệ để mỗi khi bạn nhìn nó bạn sẽ rơi vào yên lặng. Đây gọi là thiền định với tượng. Đó là lý do tại sao các bức tượng luôn giống nhau Mahavira, Gautama, Neminata, Adinatha... Hai mươi bốn vị thánh tăng của đạo Jaina...Trong cùng một ngôi chùa bạn sẽ thấy hai mươi bốn bức tượng giống nhau hoàn toàn. Hồi còn nhỏ tôi thường hỏi cha tôi "Cha giải thích cho con biết tại sao hai mươi bốn người lại cùng giống hệt nhau? Cùng kích thước, cùng cái mũi, cùng khuôn mặt, cùng thân hình".

Cha tôi nói "Cha không biết, chính cha cũng ngạc nhiên tại sao chẳng thấy có chút khác biệt nào cả. Ai cũng nói trên đời này chẳng có đến hai người giống hệt nhau, nói chi đến hai mươi bốn người!".

Đến lúc tôi thành tựu thiền định, tôi đã tự tìm thấy câu trả lời. Câu trả lời là: Tất cả các bức tượng chẳng có liên hệ gì với những nhân vật, tất cả các bức tượng chỉ liên hệ với những gì xảy ra bên trong các nhân vật, và cái bên trong đó thì hoàn toàn giống nhau. Chúng ta không phải quan tâm đến cái bên ngoài mà phải chỉ chú ý đến cái bên trong. Cái dáng vẻ bên ngoài không quan trọng. Có người trẻ, có người già, có người đen, có người trắng, có đàn ông, có đàn bà... chẳng có gì quan trọng. Cái quan trọng là tất cả bên trong cùng là một đại dương yên lặng. Trong cái mênh mông yên lặng kia cơ thể thể hiện một tư thế nhất định nào đó. Bạn cũng đã từng quan sát chính bạn, nhưng chắc là bạn chưa nhận ra điều này: Khi bạn nổi giận, cơ thể bạn có một tư thế nào đó, hai bàn tay bạn không thể mở ra được, bạn chỉ có thể nắm chặt tay. Trong cơn giận bạn cũng chẳng

có thể cười.

Với một cảm xúc nào đó, thân thể lại có tương ứng một tư thế nào đó. Những điều nhỏ nhặt ảnh hưởng sâu xa đến bên trong. Vì thế những bức tượng được tạo bằng một cách nào để mà bạn chỉ yên lặng ngồi, yên lặng ngắm nhìn, rồi khép mắt lại, một hình ảnh sẽ đi vào tâm bạn và bạn sẽ cảm nhận được những điều chưa từng biết. Những bức tượng và đền đài không phải xây ra cho việc thờ cúng, chúng dùng cho việc thể nghiệm. Chúng là những phòng thí nghiệm khoa học, không có quan hệ gì với tôn giáo. Hàng thế kỉ trước đã có một khoa học thần bí nào đó dụng ý giúp cho những thế hệ sau có thể liên hệ với những thể nghiệm của thế hệ trước... không qua sách, không qua ngôn ngữ, mà qua cái sâu thẳm hơn: Cái yên lặng, thiền định và an lạc.

6.

Khi cái yên lặng trở nên yên lặng hơn; tình bạn, tình yêu đâm chồi nảy lộc; cuộc đời bạn trong từng mỗi khoảnh khắc trở thành vũ điệu, niềm vui, lễ hội. Bạn có nghe tiếng pháo nổ ngoài kia? Bạn có bao giờ nghĩ rằng tại sao trên toàn thế giới chỗ nào cũng tổ chức lễ hội vài ngày trong năm? Vài ngày lễ hội là để bù đắp, vì xã hội đã làm mất lễ hội của chính cuộc đời bạn, cho nên nó phải có cái gì đó để bù trừ.

Mỗi một nền văn hóa phải có cách bù đắp cho bạn để bạn không cảm thấy hoàn toàn mất hút trong khốn cùng và tuyệt vọng. Nhưng tất cả những bù đắp này đều là giả tạo.

Những tiếng pháo nổ và ánh đèn ngoài kia không thể làm bạn vui vẻ được. Những thứ đó chỉ dành cho trẻ con; với bạn nó chỉ làm thêm khó chịu. Ngay từ thế giới bên trong bạn đã có thể có bất tận vô vàn *ánh sáng, âm nhạc, niềm vui*. Luôn luôn phải nhớ rằng xã hội chỉ tìm cách bù đắp cho bạn khi nó nghĩ rằng sự dồn nén của cá thể có khả năng nổ bùng một tình thế hiểm nguy. Xã hội tìm mọi phương cách để bạn giải tỏa áp lực dồn nén. Nhưng những thứ này không phải là lễ hội thực sự, nó không bao giờ có thể là sự thực. Lễ hội thực sự phải khởi đầu từ đời sống bạn và bên trong bạn. Lễ hội thực sự không thể căn cứ theo lịch, ví dụ đến đầu tháng mười một tôi sẽ tham gia lễ hội. Điên chưa! Cả năm sầu khổ bỗng dưng tôi thoát ra được khỏi khổ đau, bước ra đường nhảy múa. Cả cái cảm giác thoát khổ lẫn cái ngày đầu tháng mười một đều là giả tạo. Lễ hội ngày đầu tháng mười một qua đi rồi thì bạn sẽ bước về cái hố đen, và mọi người cũng thế, tất cả trở lại với nỗi buồn đau của mình.

Đời sống phải là một lễ hội liên tục, phải là một fetival ánh sáng suốt năm tròn. Chỉ đến khi bạn trưởng thành, bạn mới có thể trổ hoa, bạn mới có thể biến những cái nhỏ nhoi tầm thường thành lễ hội.

7.

Thí dụ ở Nhật Bản họ có lễ trà. Trong tất cả Thiền viện và ngay cả trong từng gia đình cũng có thể thực hiện được. Trà không còn là phẩm vật bình thường nữa, người ta đã chuyển nó thành lễ mừng. nơi uống trà thiết kế theo một cách nào đó, trong một khu vườn đẹp, có hồ, có thiên nga, hoa cỏ...

khách đến bỏ giày bên ngoài, vậy thôi.

Khi bước vào, bạn không được nói chuyện; bạn phải bỏ lại mọi suy nghĩ, lời nói cùng với giày dép bên ngoài. Bạn ngồi xuống trong tư thế thiền định. Người chủ, thường là một quí bà sẽ pha trà cho bạn. Động tác của người pha trà thật đẹp, giống như là nghệ sĩ múa, đi vòng quanh khách, phục vụ trà, tách, đĩa... giống như bạn là thượng đế. Thật là kính cẩn nàng cúi đầu dâng trà và bạn cũng cúi đầu trân trọng y như thế.

Một vật tầm thường như trà thôi cũng có thể được dùng tạo ra lễ hội mà ai đó khi bước ra cũng cảm thấy mình như hồi sinh, tươi trẻ lại, ngọt ngào hơn. Cái gì ta đã làm được với trà thì cũng có thể làm được với tất cả thứ khác, như với quần áo, thức ăn... Đa số con người sống như trong giấc ngủ say; ngoài ra vải vóc có vẻ đẹp riêng của nó, cảm giác riêng của nó. Nếu bạn nhạy cảm, quần áo không chỉ để che thân chúng cũng có thể dùng để biểu cảm cá tính, sở thích, văn hóa và tồn tại của bạn. Mọi việc mà bạn làm nên phải là cách thể hiện riêng của bạn, nên phải có dấu ấn của bạn, như thế đời sống sẽ trở nên lên lễ hội liên tục.

Ngay cả khi bạn bị bệnh đang nằm trên giường, bạn cũng nên lấy cái thời gian này mà hưởng thụ, thời gian thư giãn và nghỉ ngơi, thời gian *thiền định, không lo buồn vì mình đang bị bệnh.* Khi bạn bị bệnh hãy gọi bác sĩ, nhưng lúc này bạn bè quan trọng hơn thuốc men, nhất là những người yêu bạn. Thuốc men thường là phương tiện trị liệu kém nhất.

Hãy sáng tạo mọi thứ, làm ra cái tốt nhất từ cái dở nhất, điều đó tôi gọi là "nghệ thuật". Nếu một người sống suốt một đời tạo tất cả khoảnh khắc thành cái đẹp, thành tình yêu, thành niềm vui thì cái chết tự nhiên trở thành đỉnh điểm của toàn bộ nỗ lực trong đời. Giây phút cuối cùng của người đó sẽ không tồi tệ như cái chết thông thường của mọi người khác. Nếu cái chết là điều tồi tệ, có nghĩa là toàn bộ đời sống của bạn đã là một phí phạm. Cái chết nên là sự chấp nhận bình yên, sự dẫn nhập tràn đầy tình yêu vào cõi mà ta chưa biết, lời chào từ giã vui vẻ với bạn bè, với thế giới cũ. Không nên có chút gì gọi là bi kịch.

8.

Một thiền sư, Linh Chi, đang hấp hối. Hàng ngàn đệ tử vây quanh chờ nghe bài pháp cuối cùng. Nhưng Linh Chi chỉ nằm xuống vui vẻ mỉm cười, không nói một lời. Một người thiền sư bạn cũ nhắc nhở: "Linh Chi, sao thầy quên không nói những lời cuối cùng, trí nhớ thầy không được tốt rồi, thầy đang hấp hối, thầy cố đừng quên". Linh Chi nói: "Hãy lắng nghe này"... và trên mái nhà, hai con sóc đang chạy nhảy vui đùa. Linh Chi chỉ nói: "*Đẹp làm sao*" rồi chết. Ngay khi ông nói "*Hãy lắng nghe này*" thì mọi người im lặng phăng phắc để chuẩn bị nghe những lời vĩ đại; Nhưng chỉ nghe thấy tiếng hai con sóc đùa giỡn cắn nhau chạy nhảy trên mái nhà mà thôi. Vị thầy chỉ cười rồi chết.

Thực ra vị thầy đã gởi đi thông điệp cuối: Đừng phân biệt chuyện lớn chuyện nhỏ, đừng phân biệt cái tầm thường cái quan trọng. Ngay phút giây

đó sự kiện Linh Chi chết cũng giống như sự kiện hai con sóc chạy đuổi trên mái nhà. Không có gì khác biệt. Trong hiện sinh, tất cả đều giống nhau. **Đây là toàn bộ triết học, toàn bộ sự nghiệp giảng dạy của vị thầy. Chẳng có cái gì lớn chẳng có cái gì nhỏ, tất cả đều tùy thuộc vào bạn.**

9.

Bắt đầu bằng thiền định, mọi sự sẽ nảy nở trong bạn... tĩnh lặng, tinh khiết, an lạc, mẫn cảm. Mang hết những điều thủ đắc trong thiền định vận dụng trong đời sống và chia sẻ chúng, bởi vì những cái chia sẻ đều mau phát triển. Rồi đến lúc bạn chết, bạn sẽ biết không có sự chết. Bạn có thể nói tạm biệt mà không cần có nước mắt và buồn rầu, nếu có, phải chỉ là nước mắt của niềm vui.

Nhưng điều cốt tủy là phải bắt đầu bằng ngây thơ vô nhiễm. Trước tiên vất đi tất cả cặn bã thối tha mà bạn đang mang vác. Mọi người đang mang vác quá nhiều cặn bã. Có một điều đáng ngạc nhiên là lại có nhiều người nói với bạn rằng đó là những hệ tư tưởng lớn, những nguyên lý lớn ! (trong trường hợp này sự thông minh không bắt đầu từ bạn, bạn chỉ mượn của người khác). Hãy thông minh tự bản thân mình.

Đời sống rất đơn giản; nó là điệu nhảy của vui mừng. Tất cả trái đất có thể tràn đầy niềm vui, tràn *đầy hoan lạc, nhưng có một số người quyền thế*, vì quyền lợi, lại nói rằng không ai nên cười, không ai nên vui bởi vì cuộc đời là tội lỗi, đó là một sự trừng phạt. Làm sao có thể yên vui khi bạn liên tục bị nhồi sọ rằng đời sống là sự trừng phạt, bạn đã làm sai và

KHÓ THAY

Khó thay sanh được làm người
Khó thay được sống muôn đời bên nhau
Khó thay nghe diệu pháp mầu
Khó thay gặp Phật mai sau giáng trần.

THÍCH NỮ PHÚC LIÊN

bây giờ đang bị giam ở trái đất này để chuộc lỗi!

Tôi phải nói lớn rằng: **Đời sống không phải là ngục tù, không phải là sự trừng phạt. Đời sống là một tặng thưởng, và nó chỉ trao cho ai chấp chiu với nó, cho những ai xứng đáng với nó.** Và bây giờ, quyền lựa chọn là của bạn; và bạn sẽ là kẻ có tội nếu không hưởng thụ nó. Nếu đến lúc bạn chia tay với cuộc đời mà cứ để cuộc đời y nguyên như lúc bạn bước vào, nếu bạn không làm đẹp thêm cho nó, là bạn đã chống lại hiện hữu. Xin bạn, xin hãy để lại cho đời một chút đẹp đẽ, một chút hạnh phúc, một chút hương thơm.

(Phạm Doãn dịch từ: Osho – Beyond Enlightenment. Chapter 28)

Thư Cho Bé Sơ Sinh

Đỗ Hồng Ngọc

Khi em cất tiếng khóc chào đời
Anh đại diện đời chào em bằng nụ cười
Lớn lên nhớ đừng hỏi tại sao có kẻ cười người khóc
Trong cùng một cảnh ngộ nghe em.

Anh nhỏ vào mắt em thứ thuốc mầu nâu
Nói là để ngừa đau mắt
Ngay lúc đó em đã không nhìn đời qua mắt thực
Nhớ đừng hỏi vì sao đời tối đen.

Khi anh cắt rún cho em
Anh đã xin lỗi chân thành rồi đó nhé
Vì từ nay em đã phải cô đơn
Em đã phải xa địa đàng lòng mẹ.

Em là gái là trai anh chẳng quan tâm
Nhưng khi em biết thẹn thùng
Sẽ biết thế nào là nước mắt trong đêm
Khi tình yêu tìm đến.

Anh đã không quên buột etiquette vào tay em
Em được dán nhãn hiệu từ giây phút ấy
Nhớ đừng tự hỏi tôi là ai khi lớn khôn
Cũng đừng ngạc nhiên sao đời nhiều "nhãn hiệu"

Khi em mở mắt ngỡ ngàng nhìn anh
Anh cũng ngỡ ngàng nhìn qua khung kính cửa
Một ngày đã thức giấc với vội vàng với hoang mang
Với những danh từ đao to búa lớn
Để bịp lừa để đổ máu đó em.

Thôi trân trọng chào em
Mời em nhập cuộc
Chúng mình cùng chung
Số phận
Con người .

Chuyện Kể Về Một Bài Thơ...

BS. ĐỖ HỒNG NGỌC

Chuyện chẳng có đáng kể nếu tôi không có dịp gặp và làm việc với ba vị bác sĩ, là giáo viên của Trường Trung học Y tế tỉnh Phú Thọ, lần đầu tiên vào TP. Hồ Chí Minh và miền Nam. Sau những ngày làm việc vất vả, chúng tôi đưa ba bạn đồng nghiệp đi thăm thành phố Vũng Tàu cho biết "biển phương Nam". Trong lúc chuyện trò, bác sĩ Phạm Hữu Trí, Phó Giám đốc Sở Y tế Bà Rịa – Vũng Tàu (nay đã về hưu) tình cờ nhắc lại bài thơ "Thư cho bé sơ sinh" của tôi thời sinh viên thì thầy Nguyễn Hồng Hải, một trong ba bác sĩ Phú Thọ bỗng chồm lên, ôm lấy tôi, mừng rỡ: "Thế ra anh chính là tác giả bài thơ đó ư?". Rồi thầy đọc liền một mạch. Thầy nói gần 20 năm, năm nào dạy lớp nữ hộ sinh ở Trường Trung học Y tế Phú Thọ, thầy đều đọc cho họ nghe bài thơ mà thầy không biết tác giả là ai, chỉ nói "khuyết danh" thôi.

Hồi đó, đầu thập niên 1960, phải học đến năm thứ ba Y khoa chúng tôi mới được thực tập đỡ đẻ trên người. Mỗi sinh viên phải đỡ ít nhất 20 "ca" sanh thường, không bệnh lý, tại Bệnh viện Từ Dũ. Tối tối, chúng tôi túc trực ở phòng nhận bệnh để "bắt ca". Một hôm, đợi đã khuya, chưa bắt được "ca" nào, tôi đã hơi nản thì một cô nữ hộ sinh bỗng kêu: "Có ca 4 cm, ông thầy nhận không này?". Thời đó, các cô gọi chúng tôi là "ông thầy" thân mật dù chúng tôi chỉ là sinh viên y khoa. "Ca 4 cm" là ca mà cổ tử cung đã nở gần trọn, sắp sanh. Tôi mừng quá, *nhận lời ngay. Tôi đưa sản phụ lên phòng sanh, thăm khám, làm vệ sinh* các thứ, theo dõi cơn co tử cung, ghi chép cẩn thận vào hồ sơ bệnh án rồi còn ngồi bên trò chuyện cho sản phụ quên đau. Tôi nghĩ đến mẹ mình, đến những giọt mồ hôi của biết bao bà mẹ chờ sanh khác. Đến gần sáng thì cơn đau đã rột. "Lúng túng" một cách lành nghề, tôi cũng

đã đỡ được ca đầu tiên mẹ tròn con vuông! Lòng lâng lâng tôi đẩy xe cho hai mẹ con về phòng, rồi viết bản "phúc trình". Trời đã hừng sáng. Bên ngoài khung kính cửa phòng sanh, Sài Gòn vẫn tấp nập và hừng hực không khí ngột ngạt những ngày tháng của năm 1965. Đột nhiên, một cảm xúc trào dâng trong lòng, tôi viết liền một mạch ngay sau phần bệnh án một bài thơ nhỏ: Thư cho bé sơ sinh.

Sáng hôm sau, giáo sư Hoàng Ngọc Minh đọc bản tường trình của tôi, gọi tôi vào rầy: "Đỡ đẻ không lo đỡ đẻ, lo làm thơ!". Tôi biết thầy không giận vì tuy rầy mà giọng thầy ấm áp. Mấy ngày sau đó, chẳng ngờ bài thơ viết vội trong đêm trực đã được phổ biến nhanh chóng trong giới sinh viên và nữ hộ sinh. Ai đó đã viết bài thơ lên bảng đen. Bài thơ sau được đăng trên báo Tình thương – một tờ báo của sinh viên y khoa Sài Gòn và in lại trong tập thơ đầu tay của tôi, tập "Tình người", in ronéo năm 1967, do Thân Trọng Minh, người bạn cùng khóa, sau này là một bác sĩ kiêm họa sĩ trình bày bìa, với tranh của Cocteau. Năm 1973, bác sĩ Lương Phán đăng lại "Thư cho bé sơ sinh" trong một tạp chí y học do ông phụ trách, và đã trả nhuận bút rất cao cho bài thơ mà ông nói là "vì tôi rất thích". Điều thú vị là sau 1975, nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu chống nạng đến thăm tôi – anh vừa mới ở tù ra, trước đó tôi chỉ biết tiếng anh qua *Trường làng em* và *Mùa thu không trở lại* – nói chi đến thăm để tặng cho tác giả bài thơ bản nhạc "Thư cho bé sơ sinh" mà anh đã phổ từ trong nhà tù nhờ đọc được cuốn tạp chí y học của bác sĩ Lương Phán. Anh nói anh viết là để cho Thái Thanh hát, nhưng bây giờ tình thế đã khác rồi!

Gần đây, tôi tình cờ phát hiện trên mạng, có một bản dịch sang tiếng Anh bài Thư cho bé sơ sinh rất hay của Phát (Phat'blog)- với những lời tâm tình của người dịch thơ làm cho tôi rất cảm kích. Bài thơ và bản dịch tiếng Anh này có thể tìm thấy ở đây.

Còn chú bé sơ sinh – hay cô bé?- của tôi lúc đó thì nay đã qua tuổi 40 rồi còn gì! Biết đâu cũng đang đọc những dòng chữ này. Mới thôi!

Sở Trang Tuyệt Anh

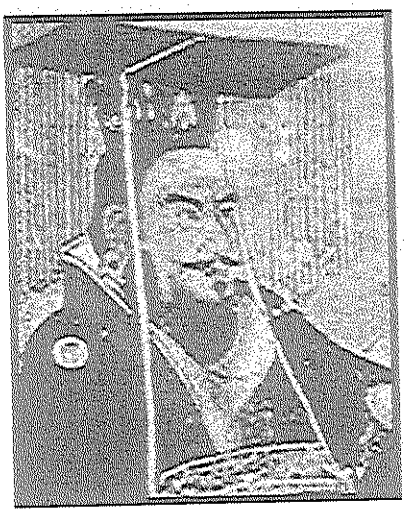

Trung Quốc là một đất nước chú trọng tu dưỡng và khoan dung, mọi người hóa giải xích mích qua sự kiềm chế tối đa. Câu thành ngữ "Sở Trang Tuyệt anh" là để nhắc nhở mọi người khoan dung đối với người khác, giải quyết sự việc với tấm lòng thiện, cuối cùng sẽ được đền đáp.

Trong thời Xuân thu thế kỷ thứ 7 trước công nguyên, Trung Quốc có nhiều nước Chư hầu. Vua nước Sở-Sở Trang Vương là một vị vua anh minh, quả quyết, dưới sự quản lý của ông, nước Sở từ một nước nhỏ yếu dần dần mạnh lên.

Một hôm, Sở Trang Vương thết tiệc các quan, cung phi cũng tới dự, mọi người uống rượu, múa hát sôi nổi. Khi đến chập tối, các quan thần vẫn không muốn ra về, Sở Trang Vương liền ra lệnh đốt nến, tiếp tục vui chơi. Sở Trang Vương mời hai người phi được chiều chuộng của mình là Hứa Cơ và Mạch Cơ đi chúc rượu các quan. Bỗng dưng một cơn gió lốc làm tắt nến, mọi người ở trong cảnh đêm tối. Lúc này, cung phi Hứa Cơ cảm thấy có người kéo tay mình liền nổi khùng kéo chiếc trang sức trên mũ gọi là Anh, sau đó trở về bên cạnh nhà vua và nói lúc nãy có người trêu ghẹo tôi, tôi kéo được chiếc Anh trên mũ, lát nữa thắp nến đại vương xem mũ ai không có Anh thì luận tội y. Nào ngờ, Sở Trang Vương nghe xong liền nói to rằng

hãy đừng thắp nến, uống rượu trong bóng tối hay biết bao. Một lúc sau, Trang Vương nói với mọi người rằng: Hôm nay ta thết tiệc các người có vui không? Mọi người đồng thanh nói cảm ơn Đại vương. Sở Trang Vương hỏi có thật sự phấn khởi không, nếu chúng ta không tuốt cái Anh trên mũ thì không thể nói là vui được. Mọi người nghe vậy đều hạ mũ và tuốt chiếc Anh trên mũ. Lúc này Sở Trang Vương gọi đốt nến. Mọi người trông thấy mũ của mình chẳng còn ra gì nữa, hình dạng biến đổi và đều bật cười. Mãi tới sáng các quan lại mới ra về.

Khi về tới cung, Hứa Cơ rất bực tức, nói có người trêu ghẹo mà vua không xử phạt. Sở Trang Vương cười và nói ta mời các đại thần uống rượu mục đích là để mọi người vui. Sau khi uống rượu có những cử chỉ khác lạ là điều bình thường. Nếu ta luận tội thì sẽ làm cho bữa tiệc mất vui, mà còn làm nhục đại thần.

Sau này, Sở Trang Vương tiến đánh nước Trịnh, có một tướng tên là Đường Giao rất dũng cảm, lập nhiều công, khiến quân Sở rất có khí thế. Quân Sở đánh tới thủ đô nước Trịnh mới thu quân, Sở Trang Vương cũng vì đó mà tiếng tăm lừng lẫy. Thì ra Đường Giao chính là người bị Hứa Cơ tuốt mất chiếc Anh trên mũ, **ông dũng cảm giết địch là để báo đáp sự độ lượng và khoan dung của Sở Trang Vương.**

Sở Trang Vương vì bao biện cho đại thần mắc sai lầm đã ra lệnh cho mọi người tuốt Anh trên mũ trong bữa tiệc trở thành "Hội tuốt Anh" nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, và cầu thành ngữ "Sở Trang tuyệt Anh" cùng có xuất xứ từ đó. Mọi người dùng câu thành ngữ này để khuyên mọi người khoan dung đối xử với người khác.

Hương Nguyễn (st)

TỤC TRỒNG CÂY NÊU

Một trong những cổ tục khó thiếu trong những ngày Tết của Việt Nam là cây nêu.

Nêu là một cây tre hay cây bương (một loại tre lớn rỗng ruột, thường dùng làm cột nhà hay máng nước). Ở ngọn cây tre hay bương này người ta đeo một vòng tròn nhỏ có buộc nhiều thứ (tùy theo từng địa phương) như vàng mã; bùa trừ tà; cành xương rồng; bầu rượu bện bằng rơm; hình cá chép bằng giấy (để Táo quân dùng làm phương tiện về trời; giải cờ vải tây, điều (màu đỏ), đôi khi người ta còn cho treo lủng lẳng những chiếc khánh nhỏ bằng đất nung nữa.... Mỗi khi gió thổi, những khánh đất va chạm nhau tại thành những tiếng kêu leng keng nghe rất vui tai... Người ta tin rằng những vật treo ở cây nêu, cộng thêm những tiếng động của những khánh đất, là để báo hiệu cho ma quỷ biết rằng nơi đây là nhà có chủ, không được tới quấy nhiễu....

Đặc biệt vào buổi tối, người ta treo một lồng đèn ở cây nêu để Tổ Tiên biết đường mà về nhà ăn Tết với con cháu. Trước đây, vào đêm trừ tịch cũng như ngày mồng một Tết, người ta còn đốt pháo ở cây nêu để mừng Tổ Tiên về ăn tết, mừng năm mới tới, xua đuổi ma quỷ hoặc những điều không may v.v... Ở miền Bắc, nêu thường được dựng vào ngày 23 tháng Chạp âm lịch, là ngày Táo quân về trời. Chính vì từ ngày này cho tới đêm giao thừa, vắng mặt Táo công, ma quỷ thường nhân cơ hội này lên về quấy nhiễu, mà người ta phải trồng cây nêu để trừ tà....

H.N (st)

Cửa Tùng Đôi Cánh Gài

THÍCH NHẤT HẠNH

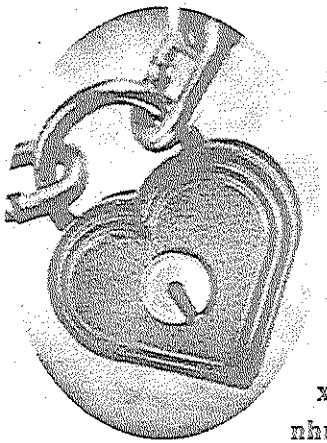

Khi chàng dũng sĩ về đến chân núi thì trăng cũng vừa lên. Trăng mười chín soi sáng cảnh núi rừng cô tịch. Ánh trăng nhấp nháy đùa giỡn trên lá cây. Đêm thu mát lạnh. Cảnh vật hình như không có gì đổi thay sau bảy năm xa cách. Cảnh vật tuy không xa lạ, nhưng cũng không thân mật chào đón người cũ từ phương lạ trở về. Chàng dũng sĩ dừng lại ở chân núi, nhìn lên.

Trước mặt chàng, con đường mòn lên núi đã bị đôi cánh cửa tùng khép chặt. Chàng đưa tay cố đẩy. Nhưng hai cánh cửa kiên cố vẫn im lìm không lay chuyển dưới sức mạnh của đôi cánh tay chàng. Chàng lấy làm lạ. Ngày xưa chẳng bao giờ sư phụ chàng lại cho đóng chặt cửa lên núi như thế này. Chỉ có một con đường đưa tới am sư phụ mà thôi, nhưng bây giờ lại bị đóng chặt. Hớn hở chàng vỗ tay vào đốc kiếm, phi thân nhảy qua, nhưng chàng không nhảy qua khỏi. Một mãnh lực gì níu lấy thân chàng trở lại, khiến chàng không cất mình lên khỏi hai cánh cửa tùng. Chàng rút gươm định chém rời cánh cửa, nhưng khi chạm tới cánh cửa, lưỡi gươm văng trở lại như vừa chạm vào thép cứng. Chàng chùn tay, đưa lưỡi gươm lên nhìn. Lưỡi thép sáng loáng dưới ánh trăng. Cánh cửa tùng rắn quá, và hình như đã thu nhận thần lực của sư phụ chàng, nên đã đóng kín đường mòn lại một cách hết sức vững chãi. Chàng thờ

dài cho gươm vào vỏ rồi ngồi phịch xuống tấm đá lớn gần bên, ôm đầu nghĩ ngợi. Bảy năm về trước, chàng còn nhớ rõ khi chàng xuống núi, sư phụ chàng đã lặng lẽ nhìn chàng một hồi lâu, không nói năng gì. Cái nhìn của người tuy dịu dàng nhưng có lẫn đôi chút xót thương. Chàng đã cúi đầu im lặng trước đôi mắt dịu hiền và cái nhìn bao dung của sư phụ. Hồi lâu người mới thong thả bảo chàng:

- "Ta không thể giữ con ở mãi bên ta. Thế nào con cũng phải xuống núi để hành đạo, để cứu người và giúp đời. Ta cho rằng con có thể ở lại cùng ta trong một thời gian nữa trước khi con rời ta xuống núi. Nay con đã muốn xuống thì con cứ xuống. Nhưng con ạ, ta mong con nhớ những điều ta dặn khi con đã đi vào cuộc sống đồng sự và lợi hành." Rồi người cặn kẽ dặn chàng về những điều chàng nên tránh, và về những điều chàng nên làm. Sau hết, Người từ tốn và dịu dàng để tay trên vai chàng:

- "Con phải nhớ những tiêu chuẩn hành động mà ta đã truyền thọ cho con trong năm sáu năm trời học tập. Chớ bao giờ làm một việc gì có thể gây khổ đau cho mình và cho kẻ khác, trong hiện tại cũng như trong tương lai. Hãy tiến bước mạnh dạn trên con đường mà con chắc có thể đưa con và mọi người về nơi giác ngộ. Nên nhớ muôn đời những tiêu chuẩn khổ vui và mê ngộ mà hành Đạo, độ Đời. "Thanh bảo kiếm mà ta đã trao cho con, con hãy sử dụng nó để diệt trừ ma chướng. Hãy xem đó như lưỡi gươm trí tuệ nơi tâm con sẽ dùng để hàng phục mê chướng và si vọng. Nhưng để giúp con, ta cho con thêm một bảo bối này để con có thể thành tựu công quả một cách dễ dàng."

Người thong thả lấy trong tay áo ra một chiếc kính nhỏ và đưa cho chàng: "Đây là Mê Ngộ Cảnh. Tấm kính này sẽ giúp con biết rõ thiện ác, chính tà. Có người gọi nó là kính chiếu yêu, bởi vì qua tấm kính này, con có thể thấy được nguyên hình của loài yêu quái."

Chàng nhận bảo kính và cảm động đến nỗi nói không nên lời. Tờ mờ sáng hôm sau, chàng lên bái biệt sư phụ xuống núi. Người tiễn chàng xuống tận dòng Hổ Khê và thầy trò từ biệt nhau trong tiếng suối

róc rách chảy Sư phụ đặt bàn tay hiền dịu trên vai chàng nhìn thẳng vào cặp mắt chàng. Và nhìn theo chàng dũng sĩ ra đi. Người còn dặn theo: "Nhớ không con, nghèo khổ không thay đổi, vũ lực không khuất phục, giàu sang không mờ ám nhé. Ta ở đây đợi ngày con mang đạt nguyện trở về."

Chàng nhớ lại những ngày đầu tiên xuống núi tiếp xúc với cuộc đời. Chàng đã gặp trên con đường hành đạo bao bộ mặt khác nhau của con người, đã dùng bảo kiếm và mê ngộ cảnh của sư phụ chàng một cách có hiệu quả. Chàng còn nhớ có một lần kia, trên con đường hành đạo, chàng gặp một vị đạo sĩ tay cầm phất trần, đi lại gần chàng và mời chàng về động để bàn tính công việc giúp đời. Đạo sĩ tỏ ra rất hăng hái với việc cứu nhân độ thế và giúp ích mọi loài. Ban đầu, chàng say sưa nghe theo lời đạo sĩ.

Nhưng trong lúc tiếp xúc với vị đạo sĩ, chàng nhận thấy người này có vẻ khả nghi. Chàng đưa tay rút mê ngộ cảnh ra chiếu. Trước mắt chàng, không phải là một đạo sĩ mà là một con yêu lớn có hai nanh dài, một cặp sừng trên trán và hai con mắt xanh lè đỏ lửa. Chàng vội nhảy lui lại và rút bảo kiếm chém. Yêu quái cố sức kháng cự, nhưng cuối cùng, chàng thắng, và yêu quái hiện nguyên hình quỳ dưới chân chàng xin dung toàn tánh mạng. Chàng bằng lòng tha tội nhưng buộc yêu quái phải trân trọng hứa lui về tu luyện để thoát xác thành người mà không được trá hình đạo sĩ để lừa bịp và tìm cách nuốt sống những kẻ khờ dại dễ tin.

Một lần khác, chàng gặp một vị đường quan, rất có dáng dấp một bậc cha mẹ dân. Vị đường quan râu dài bạc phơ, hứa sẽ trọng dụng chàng và đã chịu khó thức suốt một đêm để bàn với chàng về những *điều chánh trị ích quốc lợi dân*. Vị đường quan đã tỏ ra mình là một người thiết tha đến hạnh phúc muôn dân, nhưng khi đưa mê ngộ cảnh lên, chàng hoảng hốt nhận đó là một con heo khổng lồ với cặp mắt háu đói, thèm khát, vô cùng khủng khiếp. Chàng đứng dậy rút gươm chém. Yêu quái bỏ chạy nhưng chàng đã nhảy ra đứng chận giữa cửa công

đường và hét bảo nó hiện nguyên hình. Con heo kinh khiếp hiện hình quỳ dưới chân chàng cầu xin tha tội và hứa sẽ về tu luyện tinh tấn, thoát xác biếng lười, không còn dám trá hình để rúc rỉa xương thịt người dân vô tội.

Có một hôm, đi ngang qua chợ, chàng thấy thiên hạ già trẻ trai gái xúm quanh ngôi hàng sách. Người đang bày bán sách và tranh cho mọi người là một cô gái mặt hoa da phấn, trên miệng luôn luôn sẵn có một nụ cười. Thiên hạ trầm trồ khen ngợi tranh vẽ và thi nhau mua sách. Bên cạnh cô ta lại có một cô gái khác, cũng mặt hoa da phấn, tay ôm đàn, miệng cất tiếng hát khiến mọi người đã mua sách phải mê mẩn tâm thần không muốn ra khỏi cửa hàng. Thật là một cảnh thái bình nên thơ. Chàng cũng ngây ngất đứng nghe, và cuối cùng chàng lại gần cầm lên một bức họa. Màu sắc làm chàng choáng ngợp, nhưng qua nội dung chàng thấy thoáng gợn trong tâm linh một ít nghi ngờ. Đưa mê ngộ cảnh lên nhìn, chàng hốt hoảng thấy nguyên hình hai con rắn độc, phun nọc phè phè. Chàng vội gạt mọi người ra, rút bảo kiếm, quát lên: Nghiệt súc! đừng phun nọc độc hại người. Mọi người chạy tán loạn. Hai con rắn độc vặng mình tới. Nhưng trước thần lực của lưỡi bảo kiếm, cuối cùng đành phải khoanh tròn dưới gối chàng van xin thứ tội. Chàng dùng bảo kiếm cắt đứt nọc độc, đốt cháy cửa hàng và tha cho yêu súc, buộc cả hai phải hứa trở về núi tu luyện cho thoát kiếp ngậm nọc phun người. Cứ thế, chàng đã sử dụng bảo kiếm và mê ngộ cảnh theo đúng lời sư phụ dặn để cứu người và giúp đời.

Chàng đã sống miệt mài với nhiệm vụ. Đã từ lâu chàng vẫn tự cho rằng chàng là người dũng sĩ cần thiết cho cuộc đời. Cuộc đời không thể vắng bóng chàng. Chàng đã trà trộn trong cuộc sống, có khi thành công, nhưng cũng nhiều khi thất bại. Đối diện với cuộc sống đầy mưu mô gian trá, nhiều lúc chàng phải uốn mình, linh động theo hoàn cảnh để chinh phục và chiến thắng. Có lúc chàng say sưa miệt mài trong công việc. Chàng cảm thấy thích thú khi hành động. Có khi chàng say mê quên cả ăn cả nghỉ, vì một sự theo đuổi mà chàng cảm thấy vì vui

thích mà thực hiện hơn là ý thức rằng mình cần hoạt động để mà phụng sự. Thời gian trôi cứ như thế cho đến bảy năm. Một hôm trong lúc ngồi nghỉ bên một dòng sông, nhìn dòng nước lặng lẽ trôi, chàng giật mình thấy đã từ lâu, gần hai năm nay, chàng không dùng đến mê ngộ cảnh. Chàng không dùng, không phải là chàng quên rằng mình có mê ngộ cảnh, mà chỉ vì chàng thấy không thích dùng. Chàng nhớ lại trước đây đã có một thời chàng dùng mê ngộ cảnh một cách miễn cưỡng. Chàng nhớ lại những ngày mới xuống núi ấy, chàng đã chiến đấu rất hăng hái khi thấy nguyên hình những yêu quái xuất hiện trên mê ngộ cảnh. Chàng cũng cảm thấy hân hoan vô hạn khi soi thấy trên mê ngộ cảnh hình dáng các bậc hiền nhân. Nhưng trong thời gian trước đây, một cái gì khác lạ đã đến trong tâm hồn chàng, đến lúc nào chàng không nhận rõ. Chàng đã không thiết tha lắm khi nhìn thấy hình bóng một bậc hiền nhân, mà cũng không giận dữ lắm khi thấy một bóng hình yêu quái. Trong bóng hình yêu quái đó, đôi khi chàng lại nhận ra một vài nét hơi quen thuộc, và lưỡi bảo kiếm đã có thờ ơ khi có những bóng hình yêu quái xuất hiện trước kính thần.

Cho đến những ngày gần đây, chàng không dùng mê ngộ cảnh nữa. Chiếc kính vẫn nằm trong túi áo chàng, nhưng đã từ lâu không còn được sử dụng. Chàng lấy làm lạ và đã nói nhiều lần định quay về hỏi sư phụ. Nhưng đã ba tháng qua, bận bịu những gì không đâu, chàng chưa có thể trở về. Mãi cho đến hôm mười hai tháng tám trước đây, đi qua một rừng mai hoa nở, thấy sắc hoa trắng như tuyết lấp lánh dưới ánh trăng thu, nhớ đến những ngày thơ ấu bên rừng mai già học tập dưới chân thầy, chàng mới quyết định trở về. Đường về sao chàng thấy xa quá. Bảy ngày trèo non lặn suối mới về tới được chỗ cũ.

Nhưng đến chân núi thì trời đã tối. Trăng cũng vừa lên và hai cánh cửa tùng cũng đã khép chặt lối mòn. Chàng đành phải đợi. Buổi sáng, người sư đệ của chàng thế nào cũng phải xuống suối múc nước, và như vậy sẽ mở cửa cho chàng. Trăng đã lên tới quá đỉnh đầu, ánh trăng vằng vặc chiếu xuống rừng núi âm u. Trời càng về khuya càng

lạnh. Chàng lại rút kiếm ra nhìn. Ánh trăng lại lấp lánh trên lưỡi kiếm. Chàng lại tra kiếm vào vỏ. Trên mặt chàng thoáng nét ưu tư sầu muộn. Chàng đứng dậy. Trăng sáng quá. Núi rừng vẫn u tịch và lạnh lùng. Chàng ngồi xuống phiến đá chờ đợi. Quãng đời bảy năm qua lại trở về trong trí óc chàng. Trăng dần dần về phía núi xa. Ngàn sao lấp lánh linh động hơn, và cuối cùng bắt đầu mờ nhạt. Phương đông đã nhuộm dần ánh sáng mờ mờ.

Đường viền ngọn núi đã nổi dần trên vầng sáng nhạt. Bình minh sắp về. Chàng nghe tiếng lá khô xào xạc trên núi.Ngừng lên chàng thấy một bóng người mờ nhạt từ trên đi xuống. Chắc hẳn là người sư đệ của chàng. Trời đang tối quá chàng nhìn không rõ, chỉ thấy hình bóng.

Nhưng chắc chắn đó là người sư đệ, bởi vì tay có cầm tịnh bình. Chàng đứng dậy Bóng người tiến xuống và khi đến gần cánh cửa thì cũng vừa nhận ra được chàng dũng sĩ.

- "Đại huynh"

- Sư đệ! - Đại huynh về bao giờ thế ? - Ta về lúc trăng mới lên và phải đợi cả đêm dưới này. Tại sao sư phụ lại cho đóng bít lối lên như thế ? Người sư đệ mỉm cười đưa nhẹ tay mở cửa. Hai cánh cửa từng bật ra một cách dễ dàng. Bước ra nắm lấy tay chàng và nhìn chàng tận mặt. -"Đại huynh ở một đêm giữa trời chắc lạnh lắm. Sương phủ ướt áo thế này mà, thôi để tiểu đệ phủi bớt cho. Trước kia đệ thường ở dưới núi hái rau nhặt củi và luôn tiện canh chừng người lên núi. Lâu lâu mới có một người lên núi. Nếu tiểu đệ thấy ai đáng lên hầu sư phụ thì tiểu đệ cho lên, nếu họ không đáng lên thì em lẫn tránh để cho họ lạc đường. Sư huynh biết rằng sư phụ không bao giờ muốn tiếp những người lên núi với tâm niệm không lành. Độ này tiểu đệ bận tập luyện luôn mà sư phụ cũng bận ngồi tĩnh tọa trong thạch động nên người dặn cho đệ khép cửa chắng ngang lối lên dưới này. Sư phụ có trao phép lạ khiến cho cửa tự động mở ra khi các bậc hiền nhân đến. Nhưng khi những kẻ phàm tục lên thì cửa cứ đóng chặt không thể nào vượt qua được. Nhất là khi kẻ ấy có yêu khí thì đừng mong lên núi."

Chàng dũng sĩ cau mày:

"Nhưng không lẽ ta mà lại là yêu quái ? Sao cửa lại đóng chặt?"

Người sư đệ cười lớn: - "Vâng đại huynh sao lại là yêu quái được! Đệ cũng quên đi mất là tại sao cửa lại đóng. Nhưng bây giờ dù sao thì đại huynh cũng lên núi được rồi cơ mà, vì cửa đã mở. Nhưng đại huynh đợi em chút nhé. Để tiểu đệ xuống suối múc nước rồi cùng lên một thể. Hay đại huynh xuống suối với đệ cho vui. Cười lên chứ, đại huynh giận ai mà nét mặt trông khó đăm đăm như vậy."

Hai anh em cười vang. Chàng dũng sĩ đi theo người sư đệ xuống suối. Mặt trời vẫn chưa lên, nhưng phương đông đã rạng. Hai người đã có thể nhìn rõ mặt nhau. Mặt suối lặng trong, in màu hồng của rạng đông. Bóng hai người đứng song song in hình trên mặt suối. Chàng dũng sĩ trong bộ võ phục hiên ngang, lưng đeo trường kiếm. Người sư đệ trong y phục tiểu đồng hòa nhã, tay cầm tịnh bình. Hai người cùng nhìn bóng mình in trên mặt nước mỉm cười. Một con bọ nước nhảy, làm mặt nước hồng gợn nhẹ và bóng hai người rung rung theo làn sóng nước gợn.

"Bóng chúng ta trên mặt nước đẹp quá nhỉ! Nếu bây giờ tiểu đệ múc nước thì sóng dậy và bóng tan mất. À này đại huynh "mê ngộ cảnh" sư phụ cho đại huynh còn giữ đó không?" Chàng dũng sĩ cho tay vào túi trả lời:

- Còn đây

- Tại sao chúng ta không đem ra chiếu hình chúng ta xem nào.

Chàng sực nhớ là từ lâu chàng chưa chiếu mê thử trước hình bóng mình. Chàng lấy kính thần ra, lau bụi vào vạt áo, chiếu trên mặt nước. Hai anh em châu đầu vào mặt kính.

Nhưng bỗng cả hai người cùng hét lên một tiếng kinh hoàng, khủng khiếp, và tiếp theo đó chàng dũng sĩ ngã quỵ trên bờ suối bất tỉnh. Tiếng thét kinh khủng làm chấn động cả núi rừng hoang dại. Một con nai đang uống nước phía trên dòng hoảng hốt đưa đầu lên nhìn, ngơ ngác kinh sợ. *Người sư đệ vừa trông thấy trong kính thần, hình bóng*

của mình đứng bên cạnh hình bóng một con yêu to lớn với đôi mắt tối sâu như hai miệng giếng không đáy, hai chiếc răng dài quập sâu vào chiếc cằm vuông, trên một khuôn mặt xám ngoẹt như gà cắt tiết.

Người sư đệ rùng mình dụi mắt nhìn lại, trên bờ suối đá xanh, chàng dũng sĩ vẫn nằm ngã lăn bất tỉnh, trên mặt vẫn còn in rõ nét kinh hoàng, đau khổ hiện hình một cách thảm hại trên con người đã từng xông pha lăn lộn bảy năm trong cuộc đời đầy cát bụi.

Người sư đệ đến ôm lấy chàng dũng sĩ và lấy nước suối vã vào mặt chàng. Vài phút sau, chàng tỉnh dậy, nét mặt vô cùng bi thảm. Hình bóng trên mê ngộ cảnh hiện ra bất ngờ quá và ý thức tự giác trong nháy mắt đã làm cho chàng ngã quỵ. Chàng đã mất hết nghị lực, mất hết sự sống. Tứ chi chàng rời rã, chàng không thể đứng dậy được nữa. Một chân quỵ xuống cát, người sư đệ dịu dàng nâng chàng ngồi dậy. Nét thiểu não và khổ đau còn in rõ trên khuôn mặt chàng.

- "Thôi, đại huynh vui lên. Chúng ta sẽ lại lên núi"

Giọng nói của người sư đệ êm như một hơi gió thoảng, nhẹ như một tiếng thì thầm. Nhưng chàng lắc đầu một cách thất vọng. Chàng không còn muốn sống. Đau khổ đã làm chàng thảm não và tâm hồn chàng vừa bị tàn phá tang thương như mặt đất sau cơn phong vũ điên cuồng. Chàng không còn dám có ý tưởng lên núi để nhìn mặt sư phụ. Người sư đệ vuốt tóc chàng, an ủi: "Thầy thương anh lắm. Không sao đâu, đại huynh sẽ ở mãi bên thầy (vỗ về). Đại huynh sẽ sống bên em như những ngày xưa êm đẹp cũ (khóc). Em không ngờ bao nhiêu năm dưới núi đã tàn hại anh đến thế."

Và người ta thấy trên con đường mòn cheo leo lên núi, bóng người sư đệ lần từng bước dìu chàng dũng sĩ trở lên động. Trời vẫn còn chưa sáng hẳn, bóng hai người in trên màn sương mỏng nhẹ của núi rừng buổi sáng. Tia nắng đầu tiên soi rõ dáng điệu thiểu não rời rã của chàng dũng sĩ bên cạnh dáng điệu dịu dàng từ hòa của người sư đệ. Mặt trời đã nhô khỏi đỉnh núi xa.

Gia đình là gì ?

Sương Lam (st)

Người Mỹ đã dùng danh từ FAMILY trong khi người Việt chúng ta gọi là GIA ĐÌNH.

Mời bạn đọc một mẩu chuyện dưới đây để tìm hiểu giá trị của Family như thế nào nhé.

FAMILY là gì?

1.

Tôi va phải một người lạ trên phố khi người này đi qua. "Ô xin lỗi", tôi nói.

Người kia trả lời: "Cũng xin thứ lỗi cho tôi, tôi đã không nhìn cô". Chúng tôi rất lịch sự với nhau.

Nhưng ở nhà thì mọi chuyện lại khác. Tối nọ, lúc tôi đang nấu bếp thì cậu con trai đến đứng sau lưng. Tôi quay người và đụng vào thằng bé làm nó ngã chúi xuống sàn nhà". "Tránh ra chỗ khác"- tôi cau mày nói. Con trai tôi bước đi, trái tim bé nhỏ của nó vỡ tan. Tôi đã không nhận ra là mình đã quá nóng này.

Khi đã lên giường, tôi nghe một giọng nói thì thầm: "Khi đối xử với người lạ con rất lịch sự, nhưng với con mình con đã không làm như vậy. Hãy đến tìm trên sàn nhà bếp, có những bông hoa đang

nằm ở cửa. Đó là những bông hoa mà con trai con đã mang đến cho con. Tự nó hái lấy những bông hoa này: nào hoa hồng, màu vàng và cả màu xanh. Nó đã yên lặng đứng đó để mang lại cho con điều ngạc nhiên, còn con thì không bao giờ thấy những giọt nước mắt đã chảy đẫm lên trái tim bé nhỏ của nó".

Lúc này thì tôi bật khóc. Tôi lặng lẽ đến bên giường con trai và quỳ xuống: "Dậy đi, con trai bé nhỏ, dậy đi. Có phải những bông hoa này con hái cho mẹ không?". Thằng bé mỉm cười: "Con tìm thấy chúng ở trên cây kia. Con hái cho mẹ vì chúng đẹp như mẹ. Con biết là mẹ thích lắm, đặc biệt là bông hoa màu xanh".

Thế bạn có biết từ family có nghĩa là gì không?

FAMILY = Father And Mother, I Love You

2.

Bạn có cảm động không khi đọc xong mẩu chuyện nói trên? Chắc hẳn là phải có rồi. Tôi nghĩ thế!

Mời bạn đọc thêm một câu chuyện khá cảm động khác dưới đây do một người bạn chuyển đến người viết:

Hãy đọc và suy ngẫm, đây là câu chuyện có thật.

Một người đàn ông, trong lúc đang chùi cho láng chiếc xe hơi của anh ta, đứa con trai 4 tuổi của anh ta nhặt một hòn đá và rạch vào bên hông xe. Trong cơn tức giận, anh ta chụp lấy tay đứa con trai và đánh vào tay nó nhiều lần mà không nhận ra rằng

KỆ

Ta về đục đá trồng mai
Để mùa xuân đến cho đời sắc hương
Dẫu vô thường _ Vẫn thị thường
Rong chơi tự tại _ Kệ đường tử sinh

Lê Tất Sĩ

anh ta đang đánh bằng cái mỏ lết

Tại bệnh viện, đứa bé mất hết các ngón tay vì xương thịt dập nát. Khi đứa trẻ thấy bố nó... Với đôi mắt đau buồn, nó hỏi: "Bố ơi các ngón tay con đâu rồi?". Anh ta rất đau lòng, không nói nên lời và trở lại bên xe, đá vào chiếc xe nhiều lần.

Suy sụp bởi hành động vô ý thức của mình....., ngồi trước chiếc xe hơi, anh ta nhìn vào vết xước trên hông xe..... thằng bé đã viết: "Con Yêu Bố, bố ơi!". Ngày hôm sau, người đàn ông tự tử... Giận dữ và yêu thương không có giới hạn, hãy chọn cái thứ hai. YÊU THƯƠNG để có một cuộc sống xinh tươi và đẹp đẽ. Đồ vật sinh ra là để SỬ DỤNG và con người sinh ra là để YÊU THƯƠNG....

Vấn nạn của thế giới hôm nay lại là.... Con người bị SỬ DỤNG còn đồ vật thì được YÊU THƯƠNG !!!

Lồng đèn đỏ của cha tôi

THUẦN TÂM

Tôi về trụ trì chùa L.Đ.B vùng ven, hồi tưởng lại thời 1989-1992 bấy giờ, thấm thoát đã bốn năm trời. Tuy ngắn ngủi, nhưng đối với tôi khoảng thời gian ấy nó thật dài vô tận bởi sự đơn thân cô quạnh giữa đồng ruộng lặng lẽ quanh năm.

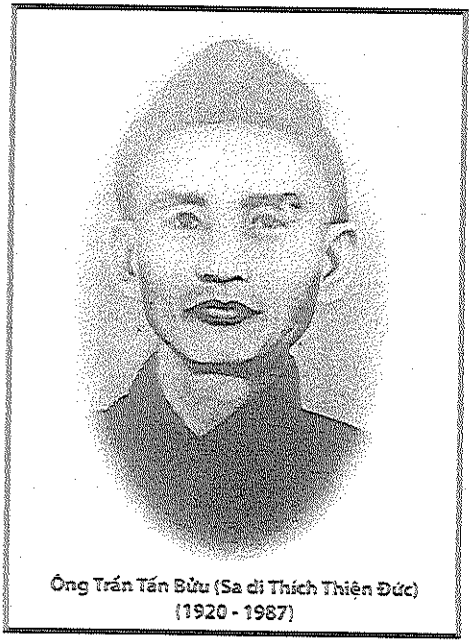

Ông Trần Tấn Bửu (Sa di Thích Thiện Đức)
(1920 - 1987)

Một đêm nọ, sau thời kinh Tịnh độ - tham thiền, tôi cảm thấy mệt nhừ, vội đến đơn nằm ngả người chợp mắt canh thâu...

Trong đêm mộng, tôi thấy "vía mình" đang trầm ngâm đứng trước thánh tượng Phật A Di Đà, tập trung quán tưởng với tâm thành kính 48 lời nguyện cầu vãng sanh cực lạc.

Bất chợt "ông Bảy", tức thân phụ của tôi mà tôi thường gọi mỗi lần giáp mặt, xuất hiện trước mắt. Vì nguyên tắc lễ đạo, tôi đã thọ Tỳ khưu và cố thuyết phục "ông Bảy" từ

bỏ vọng tưởng tham vọng ngoài đời, nối bước theo tôi vào chùa, xuất gia "học Phật tu thân" cầu đạo giải thoát.

Bởi lẽ tuổi tác đã "xế chiều" mà sự nghiệp lại "mộng đời", rốt cuộc chỉ còn lại hai bàn tay trắng. Thân phụ tôi chợt ngộ lý vô thường của đạo Phật, bằng lòng theo tôi vào chùa B.Q. cầu xin sư phụ tôi từ bi thế phát quy y, tĩnh tâm tu hành tinh tấn và được thầy thế độ, cho phép thọ giới Sa di, mang dòng họ Thích. Và trong cơn bạo bệnh vào một đêm tối trời, thân phụ tôi, Sa di Thích Thiện Đức đã trút hơi thở cuối cùng vào lúc 04 giờ ngày 19 tháng Chạp vì bệnh suy tim mãn tính, với quá trình hơn năm năm dày công khổ luyện tu học của một kiếp người.

Bất chợt ông Bảy đến với tôi bằng tướng hảo hoan hỷ tốt lành, chẳng tỏ vẻ đau khổ hành thân với nụ cười hiền hoà tự tại. Tôi mừng rỡ hỏi thăm: "Ông Bảy vẫn an lành?", mặc dù trong thâm tâm tôi đã biết thân phụ tôi đã lìa bỏ cõi đời. "Ông Bảy" đáp: "Tôi vẫn an lành", rồi nói tiếp: "Được biết thầy về nhận ngôi chùa này nên tôi về thăm chúc mừng thầy, sẵn dịp tôi biếu thầy hai cái lồng đèn để treo chánh điện cho rực rỡ trang nghiêm". Mắt tôi dõi theo ngón tay ông chỉ về hướng chiếc lồng đèn đỏ. Tôi bỗng giật mình và cười thầm trong bụng... Vì ngôi Chánh điện thì khiêm tốn còn hai lồng đèn màu đỏ thì quá to, muốn treo lên trần cũng không hài hoà cân xứng. Tôi đành miễn cưỡng gật đầu cho ông vui lòng. Dường như thấu hiểu uẩn khuất hiện tại trong lòng tôi, ông cười xoà nói: "Ấy, thầy cứ cất giữ nó, sau này thầy treo nó lên sẽ ưng ý liền". Tôi kinh

ngạc, chợt cựa mình tỉnh mộng khi gà vừa gáy báo trời sáng khi hết công phu khuya... mà trong lòng cứ mãi ôm ấp phân vân "điềm mộng", không rõ hư thực thế nào?

Quả nhiên, vài ngày sau, tôi được Sư ông Viện chủ chùa L.H gọi lên bảo tôi làm đơn xin phép xây cất ngôi chánh điện mới trên nền sân chùa hiện tại. Sau bao tháng năm dài tôi phát tâm miệt mài san lấp cái ao rộng lớn, chứa đầy nỗi gian truân khổ nhọc của kẻ quyết "xả thân hành đạo" vì lợi lạc chúng sanh, chờ cơ duyên chín muồi, mãi đến hôm nay tôi mới được tròn bổn nguyện. Lòng tôi mừng vô hạn, nhưng nỗi lo lại canh cánh trong lòng khi "không có một đồng dính túi mà đòi cất chùa". Thôi thì cứ nhắm mắt làm liều, cứ y vâng lời thầy Tổ chỉ bảo mà làm theo, thì sẽ được chư Phật hộ trì, thập phương bá tánh ủng hộ, vậy lo gì Phật sự không thành. Tôi cứ "y giáo phụng hành" theo lời chỉ dạy của đức ân sư với niềm kính nhớ vô biên.

Qua bốn năm đồng tâm hiệp lực, ra công sức xây dựng ngôi chánh điện mới, cuối cùng tôi cũng hoàn thành ý nguyện và tổ chức lễ khánh thành thật trang nghiêm và long trọng vào ngày vía Phật bà Quan Âm, ngày 19 tháng 9 âm lịch năm 1996. Tôi chợt nhớ đến cặp lồng đèn màu đỏ của "ông Bảy" – Thân phụ tôi. Thật kỳ diệu thay, tôi thầm nghĩ, nếu nó có thật thì hôm nay mừng ngày trọng đại này, tôi tự tay treo nó lên hai góc mái cong trước ngôi Chánh điện mới thì quả là tương xứng cảnh quan với chánh điện đồ sộ theo dạng vùng ven. Cảm xúc dâng tràn đầy nước mắt, bấy giờ tôi mới hiểu ra thế

nào là "Tình phụ tử" thiêng liêng, thật là thâm tình cao quý thiên thu... Dù ta lấy máu làm mực, lột da làm giấy, gọt xương làm bút cũng không thể nào diễn tả hết tình cha thương con. Mà quả thật như vậy, người đã mất rồi nhưng vẫn âm thầm phù hộ cho con cháu đang sống trên cõi dương gian. Thiện Tài xin đốt ba nén tâm hương hoà nguyện thành tâm tạ ơn đấng sanh thành, cố Sa di Thích Thiện Đức vì lòng cần mẫn phò trợ cho đứa con muốn thoát vòng tục lụy, trên bước đường hành đạo được an trụ tu hành nơi chốn Thiền môn để gieo trồng quả phúc.

Được sự mách bảo của Sư ông, cho phép tôi "hội kỵ", lấy ngày huý nhựt của thân phụ tôi tổ chức cúng dường chư Tăng để báo hiếu song thân, nhất là tạo giềng mối hoà hợp với Tăng Ni trụ trì các Tự viện trên tinh thần pháp lữ đồng tu. Tôi kính lễ "ông Bảy" ba lạy để tỏ lòng tri ân và nguyện nhớ mãi cặp lồng đèn đỏ mà Thiện Tài đã treo trong lòng... để sáng toả tình phụ tử thiêng liêng cao cả./.

Kỷ niệm ngày huý nhựt
Thân phụ: Trần Tấn Bửu
Pháp danh: Sa di Thích Thiện Đức
Trụ thế: 66 năm
Vãng sanh: 19 tháng Chạp âm lịch
Hiếu tử, Tỳ khưu Thích Thiện Tài
Cảm niệm, 2013

Lời tạ lỗi cùng cha

PHAN CÁT TƯỜNG

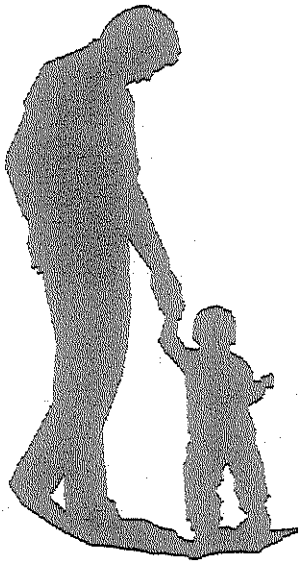

Cha tôi mất cách nay tròn 8 năm. Đám tang cha, tôi không khóc. Có lẽ vì không có thời gian để khóc và nhất là chưa cảm nhận được sự trống vắng khi khi không có cha. Nhưng ba ngày sau, khi tôi chạy xe dưới cơn mưa phùn lất phất để đi mua chim về phóng sanh cầu siêu cho cha thì bỗng dưng những giọt nước mắt tuôn trào.

Cơn mưa phùn của những ngày Sài Gòn giáp Tết bỗng giá buốt lạ, nhắc tôi nhớ về hình ảnh cha vác cuốc, băng ngang qua cánh đồng lúc còn trơ gốc rạ sau mùa gặt. Một cánh đồng nhỏ của vùng hạ tỉnh Long An chỉ biết hai mùa mưa nắng sao giữ trong tôi quá nhiều kỷ niệm đáng yêu. Tôi nhớ mỗi lần từ Sài Gòn về thăm cha, tôi hay đứng trước cửa và ngóng chờ cha vác cuốc

trở về nhà buổi chiều dưới cơn mưa lất phất. Cứ mỗi lần tôi về nhà là ông tát đìa bắt cá nấu cháo. Ông ở một mình trong căn nhà lá ven con sông nhỏ nên rất vui mỗi khi có con cháu về thăm...

Hồi tôi còn bé, chiến tranh loạn lạc, ông lên Sài Gòn làm thợ mộc. Mỗi tháng đôi lần ông về thăm nhà. Cứ mỗi lần thấy bộ đồ bà ba trắng thấp thoáng sau lũy tre làng, tôi nhận ra ông ngay vì linh kinh những đồ nghề thợ mộc ông quảy trên vai mỗi lần về nhà.

Rồi gia đình di tản lên Sài Gòn năm 1965, ông lại tiếp tục với nghề thợ mộc. Những buổi sớm tinh mơ ông quảy những chiếc cưa, bào đục trên vai đi làm. Chiều sụp tối ông mới về đến nhà. Cơm nước xong, ông hay nằm sấp kêu anh em tôi đến đấm lưng vì suốt cả ngày gò lưng trên những khúc gỗ nên ông bị chứng đau lưng mãn tính.

Mùa Xuân năm 1968, tôi cùng ông đang đứng trước nhà để lắng nghe những loạt đạn bất ngờ nổ từ phía xa thì bỗng dưng... "rắc... rắc...", một viên đạn lạc bắn gãy cột tre trước nhà, ông vừa kịp kéo tôi đi thì viên đạn ấy cũng vừa kịp sượt ngang qua làn da ngực của tôi, gây ra một vết trầy nhẹ ngay dưới bẹ sườn. Cái kéo tay đúng lúc của cha đã giúp tôi thoát chết trong gang tấc.

Những kỷ niệm giữa cha và tôi nhiều lắm. Ngày 29/04/1975, hai cha con từ Quận 8 cùng một số hàng xóm lánh nạn trên những chiếc bè ghe nhỏ chạy theo hướng Nhà Bè, Cần Giuộc. Ghe lênh đênh trên sông thì những loạt đạn nổ vang bay xé gió trên đầu chúng tôi. Đó là thời điểm cái chết chỉ cách hai cha con trong gang tấc. Nhưng lạ thay, khi có cha bên cạnh, tôi bỗng

cảm thấy yên tâm lạ thường như có sự chở che mầu nhiệm của ơn trên.

Sau ngày giải phóng, hai cha con chúng tôi hay rong ruổi trên chiếc ghe nhỏ vào khu rừng Bà Tàng, *Đình Ông để đốn củi. Lần ấy ghe chở củi nhiều, sóng* to, gió lớn. Chiếc xuồng nhỏ bị gió cuốn đâm thẳng vào chiếc xà lan. Tôi cầm chiếc dầm ngồi ngay trước mũi, thấy mình sắp bị hất văng xuống sông. Lạ thay, cha tôi điều khiển chiếc xuồng lách qua mũi xà lan một cách nhẹ nhàng...

Cuộc sống lại tiếp tục chồng chất những khó khăn. Ông từ giã mảnh đất ngoại ô Sài Gòn, trở về quê hương vùng hạ Long An để sớm hôm cày sâu cuốc bẫm. Chúng tôi vì chuyện học hành phải ở lại thành phố và thỉnh thoảng về quê thăm cha. Lòng mình se thắt lại khi thấy cha tuổi già sức yếu, ngày ngày phải bám trên đồng ruộng để kiếm cháo rau đắp đổi qua ngày...

Kể sao cho hết những kỷ niệm giữa hai cha con. Cha mất đi ở cái tuổi bát tuần thì cũng coi như tuổi trời đã như ý. Duy chỉ có điều cơn bệnh cuối đời hành hạ cha quá dữ dội. Riêng về phần tôi thì có lỗi rất nhiều vì không có mặt ở bên cha thường xuyên để chăm sóc ông trong cơn bạo bệnh. Ngay cả khi ông tắt thở qua đời, hai anh em trai chúng tôi cũng trở về quá muộn màng để được nắm lấy bàn tay chai cứng của cha mà nói lời từ biệt... Năm nay là ngày giỗ lần thứ 8 của cha. Đứa con trai Út xin ghi lại vài dòng để nhớ về người cha yêu dấu và tạ lỗi cùng cha khi chữ Hiếu chưa tròn.

(Sài Gòn, đầu Xuân 2009)

Bàn tay cha

T. T. N

Vợ sinh. Tôi đón cha lên thành phố.

Nếu nói là đón mẹ lên thì thích hợp với hoàn cảnh hơn. Nhưng mẹ tôi đã xa cõi đời từ lúc tôi lọt lòng.

Sự ra đi của mẹ, trong thâm tâm tôi vẫn luôn là một sự đánh đổi quá nghiệt cùng của tạo hóa, mà nỗi đau đớn còn dành lại một vị đắng ở đầu môi.

Và người ở lại phải sống tốt cho cả hai phần đời. Tôi đã có thật nhiều cố gắng.

Cha tôi, người đàn ông lam lũ. Cha gầy, gầy lắm, mà không phải chỉ gầy do sức khỏe, mà thời gian đã ngấm dần trong từng thớ thịt cha, già cỗi và yếu ớt.

Người đàn ông cô độc ngần ấy tháng năm của tôi. Bao nhiêu lần ôm cha ngủ.

Từ bé, lúc lớn lên đi xa trở về, hay khi tôi đi làm có tiền thường gọi điện cho ông: "Cha, lên thành phố với con, con lo được mà". Ông hỏi dò: "Có thiệt không đó, cu con, không đủ tiền cua gái hả?" Rồi

ông cười khà khà. Hôm sau đã có mặt ở nhà tôi.

Mang nào gà, nào vịt, nào trái cây. Và không quên mang theo một cúc rượu để cha con nhâm nhi.

Nhưng sao lần này, nằm cạnh ông, nhìn ông ngủ, tôi ...tôi không diễn tả nỗi cảm xúc của mình. Nước mắt ở đâu cứ như nước sôi đang đun trào, cứ thế đầy vung mà ra. Chắc vì tôi mới được làm cha, chắc lẽ thế.

Tôi lấy vợ rất muộn. Vợ là người thành phố, con nhà danh giá. Nhưng với nỗ lực và cố gắng của mình, tôi độc lập về kinh tế, không phải dựa bóng nhà vợ. Khi mọi người quây quần quanh thằng Mỏ (con trai yêu quý của tôi), nhìn nó kháu khỉnh đáng yêu quá.

Nhà vợ rất đông người tới. Ai cũng đòi được bế thằng Mỏ nụng nịu. Bà ngoại thằng Mỏ (là người rất khó tính) nói: *"Ông Nội bế cháu đích tôn một chút này"*, cha đưa tay ra định bế thì bà ngoại khựng lại. *"Trời ơi, tay ông nội sao thế, thế thì hỏng da của cháu mất...."*. Bà ngoại giữ thằng Mỏ lại trong lòng, vừa nói vừa nhìn bàn tay cha tôi dò xét. *"Ờ... Vâng, tôi lỡ... để tôi...đi rửa"*. Cha tôi ấp úng rồi đi ra nhà sau để rửa tay. *"À, chắc ông mới làm than đó má"*. Tôi nói đỡ, rồi theo cha ra sau. Mọi người lại xúm lại đòi bế thằng Mỏ.

Cha tôi rửa tay, và đúng là ông làm than thật. Tức là ông phơi mớ than củi mang từ quê lên để cho vợ tôi nằm hong, khỏi nhức mỏi đau lưng sau này. Nhưng ông làm xong từ sáng sớm rồi kia mà, lẽ nào cha tôi đã già nên lẩm cẩm rồi, chẳng

còn nhớ mà rửa tay nữa. Cha ơi... Thấy ông đứng cặm cụi rửa tay, khó nhọc. Tôi tiến lại: *"Cha, để con rửa cho cha". "Thôi đi cu con, hồi bé cha rửa tay rửa chân cho mày, giờ học đòi à, nhưng chưa đến lúc đâu...."*. "Đưa con coi nào", tôi giằng lấy tay ông. Trời ơi, hai bàn tay ông chai sần, những lớp da bị tróc mẻ, nham nhở đỏ lừ. *"Cha bị sao thế, cha đừng rửa bằng xà bông nữa"*... Tôi nói. *"Ờ, hồi trước, hồi trẻ ấy, cha mày đi xây, bị xi ăn, bị dị ứng. Hôm qua tao thấy trước sân nhà mày có chỗ bị hỏng, tao hòa ít xi gắn lại. Ai ngờ lâu thế mà nó cũng bị lại..."* Ông nói rồi lững thững đi vào. Vừa đi vừa chùi chùi hai bàn tay vào áo, cái dáng còng còng như oặn trĩu bởi yêu thương.

Cha bước đi không còn vững nữa rồi, năm tháng ơi.....

Lễ Hằng Thuận

Nguyễn Thảo

Trong 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, có thể nói mùa Xuân là mùa của lứa đôi. Các đôi lứa sau một thời gian quen nhau, yêu nhau và tìm hiểu thường chọn mùa Xuân để kết hôn. Ở Việt Nam, mùa cưới thường rộ lên từ đầu tháng 12 cho đến hết tháng 2 dương lịch. Hiện nay, bên cạnh các lễ cưới truyền thống, có không ít các lứa đôi chọn cách tổ chức lễ cưới tại chùa theo các nghi thức Phật giáo, lễ cưới này được gọi là lễ Hằng thuận.

Nhiều nghệ sĩ như: đạo diễn Hồng Ánh, diễn viên hài Thúy Nga, Diệu Hương... cũng đã tổ chức lễ Hằng thuận ở chùa để mong có được một hạnh phúc gia đình viên mãn.

Nguồn gốc lễ Hằng thuận

Lễ Hằng thuận bắt nguồn từ khi Đức Phật còn tại thế. Có một lần Đức Thế Tôn trở về thăm Vương thành Ca Tì La Vệ. Một ngày đặc biệt trong chuyến về lại cố hương của Đức Thế Tôn, gặp dịp cả kinh thành chuẩn bị làm lễ thành hôn cho Vương tử Mahanam, có thỉnh Đức Thế Tôn và Tăng đoàn vào hoàng cung chứng minh cho hôn lễ.

Và từ nhân duyên đó, Đức Thế Tôn dạy người làm chồng phải sống như thế nào để họ hàng nhà vợ tôn trọng, chấp nhận. Người chồng phải có trách nhiệm với họ hàng nhà vợ làm sao, trách nhiệm với vợ con trong tương lai

như thế nào? Cũng như vậy, phận làm dâu đối với họ hàng nhà chồng và trách nhiệm đối với người chồng và những đứa con mình trong tương lai. Đức Phật dạy, điều quan trọng nhất là hai người gặp nhau và chọn nhau làm bạn đời, có nghĩa là cả hai sẽ cùng đi bên nhau suốt cuộc đời này; cùng đối diện với những nghiệp chướng của cuộc đời; cùng chia sẻ với nhau những gian khó trước những khúc quanh của đời người; cùng nâng đỡ nhau tạo thiện nghiệp, khuyên can nhau dứt trừ ác nghiệp và luôn tùy thuận với nhau để cùng tu tập. Mượn nhân duyên vợ chồng để đồng làm pháp lữ tạo thiện nghiệp. Vui cũng thuận, buồn cũng thuận. Thành công cũng thuận, thất bại cũng thuận. Giàu cũng thuận, nghèo kém cũng thuận. Thế nên được gọi là lễ Hằng thuận nghĩa là, luôn thuận bên nhau suốt cả cuộc đời. Cho dù nắng hay mưa, hạnh phúc hay đau khổ. Kể từ đó, trong Phật giáo mới tổ chức Lễ hằng thuận quy y.

Ý nghĩa đạo đức văn hóa và tâm linh

Ở Việt Nam, lễ Hằng thuận được tổ chức trang nghiêm tại chùa hoặc thiền viện. Ngoài ra, lễ Hằng thuận cũng có thể được tổ chức ở nhà thờ tổ của dòng họ. Theo tên gọi, "hằng" là thường xuyên, luôn luôn, còn "thuận" là hòa thuận, đồng thuận, hướng về những điều cao thượng, tốt đẹp trong cuộc sống. Do đó, mục đích chính của lễ Hằng thuận là để vợ chồng ý thức được tầm quan trọng của hôn nhân, từ đó hướng đến cuộc sống gia đình *êm ấm, hạnh phúc.*

Tình yêu không đơn thuần chỉ có một vị ngọt mà nó còn có đủ cả những gì gọi là đắng cay và chua chát. Nếu trong tình yêu, người ta chỉ biết đắm say trong những lời nói ngọt ngào thì tình yêu đó sẽ chưa thể gọi

là một tình yêu bền vững. Cay đắng trong cuộc đời, cay đắng trong tình yêu mà ta đã từng nếm trải không phải là cái mà ai cũng muốn, nhưng rồi cũng chính những vị chua cay đó đã giúp cho chúng ta hiểu được giá trị của một tình yêu chân thành. Hãy trân trọng những sóng gió trong cuộc đời mà chúng ta đã từng trải qua. Vì nếu không có những lần khó khăn này thì mỗi chúng ta sẽ chưa thể hiểu được nhau. Và khi sự đồng cảm chưa được thiết lập thì tình thương yêu cũng sẽ không có mặt.

Tình yêu đặt trên nền tảng của Phật – Pháp – Tăng sẽ là một tình yêu bền vững, có trí tuệ, biết cách chuyển hóa những nỗi khổ niềm đau của ta và của người, hướng đến một cuộc sống tốt đẹp, luôn nghĩ đến hạnh phúc của người khác mà hy sinh, không vì lợi ích cá nhân. Hãy làm chủ trong tình yêu của mình. Hãy để chúng thăng hoa trên nền tảng của sự hiểu biết và khi đó tình thương yêu sẽ luôn hiện hữu trong suốt quãng đường đời sau này.

Hôn nhân là nét đẹp văn hóa truyền thống để kế thừa dòng dõi huyết thống và cuộc hôn nhân đó cũng đặt trên sự tự nguyện, không ràng buộc. "Hằng thuận chúng sanh" là một nghệ thuật sống hòa hợp, độ lượng với người khác. Và lễ Hằng thuận cũng chính là từ ý nghĩa này.

Thông qua buổi lễ, đôi tân hôn - tân giai nhân phải sống hòa thuận, nhường nhịn trong tinh thần tương kính, hy sinh và phục vụ. Một tình yêu đẹp là sự vắng mặt của tham sân si, là sự đổ vỡ của thế giới hữu ngã, là sự có mặt của lòng hy sinh. Và từ giờ trở đi không còn khái niệm nào là "của anh", "của tôi" mà tất cả đều là của chung.

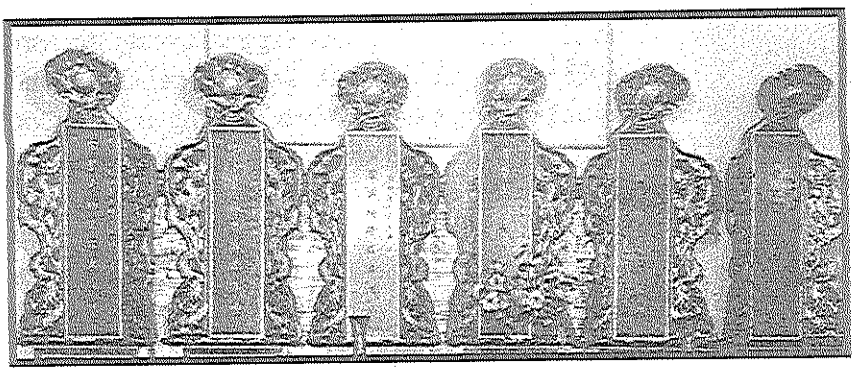

Bài vị chư Tổ tiền hiền đang thờ tự tại tổ đình Linh Sơn

Lịch sử hình thành và phát triển Liên Tông Tịnh độ Non Bồng sẽ được giới thiệu từ Hương Thiền 27, gồm các phần:

Phần 1: Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng

Phần 2: Quan Âm Tự Viện Đồng Nai

Phần 3: Nơi nào chúng sanh cần ta đến - Ni Trưởng Thích Nữ Huệ Giác trong công tác từ thiện xã hội.

Phần 4: Hoà Thượng Thích Giác Quang- Thư viện Non Bồng

Đây là thắng duyên để quý Phật tử tìm hiểu về môn phong Tịnh độ đặc thù Nam bộ, với số lượng cơ sở tu hành tại 155 đơn vị thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trải khắp 3 miền.

Điểm đặc biệt của Tông phong là pháp môn ăn chay, niệm Phật và tôn kính đức tổ sư khai sơn Hòa Thượng Thiện Phước- *Nhựt Ý. Chính vì pháp tu bình dân, dễ tu, dễ chứng nên chỉ trong* vòng gần 60 năm khai đạo, tông phong đã thu phục hàng trăm ngàn tín đồ đủ mọi tầng lớp về qui ngưỡng.

THÍCH THIỆN TÀI

Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng

Phần 1

LƯỢC THUẬT VỀ CHƯ TỔ KHAI SƠN

Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng là dòng tu Tịnh độ do Đức Tôn Sư Hoà Thượng thượng Thiện hạ Phước, huý Nhựt Ý, thuộc dòng Lâm Tế gia phổ thứ 41, khai sơn vào năm 1957 tại Tổ Đình Linh Sơn, Núi Dinh, xã Phước Hoà, Quận Long Lễ, tỉnh Phước Tuy (nay thuộc ấp Phước Thành, xã Tân Hoà, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu).

Năm 1955, Đức Tôn Sư cầu học Phật pháp với Đức Sư Ông thượng Bửu hạ Đức tại chùa Bửu Quang (Núi Dài, Văn Liên, Châu Đốc).

Đức Sư Ông thượng Bửu hạ Đức tên thật là Phạm Văn Vị, sinh năm 1880 tại làng Vĩnh Chánh, tỉnh Long Xuyên. Năm 1920, Sư Ông xuất gia hành đạo nối gót các bậc cổ đức tiên sinh tiền bối và cầu pháp với Đức Bổn sư Núi Tượng, tại Núi Tượng xã Ba Chúc, huyện Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc.

Đức Tôn Sư thượng Thiện hạ Phước được Sư Ông truyền trao "Pháp Môn niệm Phật". Sau tám tháng tinh tấn tu học và ngộ tâm yếu Tịnh độ, được sự phó chúc của Đức Sư Ông, Tôn Sư đăng trình về miền Đông, kinh qua nhiều gian truân thủ thách, thường trụ nhiều trú xứ, cầu pháp với Đại Lão Hòa Thượng Thượng Trí hạ Châu (hiệu Hồng Ân, dòng Lâm Tế, gia phổ thứ 40) tại Tổ Đình Long Sơn, xã Tân Ba, quận Tân Uyên tỉnh Biên Hoà, (nay là xã

Thái Hoà, huyện Tân Uyên Tỉnh Bình Dương). Tôn sư được ban pháp hiệu là Nhựt Ý. Đầu năm 1957, Đức Tôn Sư về núi Dinh, vào ở tại điện Phổ Đà ẩn cư tu tịnh. Do Phật tử đông đảo về núi tu tập, Tôn sư phải xuất thân hành đạo, tế tiếp Tăng độ chúng. Vì thế, được Ngài Trụ trì là Yết Ma Sen giao Tổ Đình cho Tôn sư làm phương tiện hành đạo. Trong số Phật tử về xin học đạo, có Ni trưởng thượng Huệ hạ Giác.

TỊNH ĐỘ NON BỒNG

Theo từ ngữ Phật học, Liên tông là tông phái Hoa sen, tức Tịnh Độ Tông, một tông phái dạy người tu hướng tâm về Đức Phật A-Di-Đà. Tông Tịnh Độ được Ngài Huệ Viễn Đại Sư sáng lập ở Trung Hoa vào thế kỷ thứ 7, du nhập vào Việt Nam vào thế kỷ 11. Ngày nay Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng có trên 155 chùa trên toàn quốc. Trong những ngày huý kỵ Đức Tôn Sư, vào các ngày 28, 29, 30/7 và 01/8 Âm lịch, chư Tăng Ni Phật tử các chùa tề tựu đông đúc lên đến hằng chục ngàn người.

Tổ khai sơn Liên Tông Tịnh Non Bồng độ chính là Hòa Thượng Tôn Sư thượng Thiện hạ Phước, đã ghi đậm nét son lịch sử đối với Tăng Ni, Phật Tử Việt Nam tại Miền Đông Nam bộ. Vùng núi non mà Đức Tôn sư hành đạo tại núi Dinh gọi là "Cổ Sơn", hay "Bàn Cổ Sơn", cũng còn gọi là "Núi *Bồng Lai*", là một cảnh trí lành, phần đất tựa trên lưng chừng núi Dinh, cách chân núi khoảng 600m.

Non Bồng là thánh địa của Tổ Đình Linh Sơn, là thắng cảnh liên trì của chư Tăng Ni Phật Tử Quan Âm Tu viện, của hơn 140 Tự viện, Tịnh xá,

Tịnh Thất, Đạo Tràng trong tông môn. Non Bồng là trú xứ của Liên Tông Tịnh Độ, còn gọi là đất Phật nước Nam, bởi một di chỉ bằng một phiến đá có khắc dòng chữ "Phật Địa Nam Bang" mà Đức Tôn Sư đã xây dựng giữa nền Chánh Điện năm 1959.

LỊCH ĐẠI TỔ SƯ LIÊN TÔNG

Theo niên đại truyền thừa của chư vị tổ sư tiền hiền khai sơn, lập tự, Tổ đình Linh Sơn từ thời Hoà Thượng Thi theo thứ tự như sau:

1- Hòa Thượng Sơ Tổ khai sơn, lập tự húy Thi.

2- Thủ tọa Đối.

3- Thủ tọa Sanh

4- Thủ tọa Nhi.

5- Sư cô Diệu Đường.

6- Yết Ma Sở (pháp danh Phước Như).

7- Hoà Thượng Hồng Quang

8- Ông Giáo Tư.

9- Yết Ma Sen.

10-Đức Tôn Sư Thượng Thiện Hạ Phước.Nói đến Non Bồng, Tăng Ni Phật tử không quên các Giáo Đoàn Du Tăng Khất Sĩ, Hội Từ Thiện Xã hội Miền Đông, Cô Nhi Viện Phước Lộc Thọ, Phật Học Đường Tây Phương Bồng Đảo, trú xứ Tổ Đình Linh Sơn, Quan Âm Tu Viện, Ni Trưởng Huệ Giác, chư tôn Hòa Thượng trong môn phong đã truyền thừa Phật giáo Tịnh Độ Tông, góp phần chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

Nguyễn Đức Tố

(Biên soạn theo sử liệu của HT. Thích Giác Quang)

Tặng người bạn chí thân từ thời sinh viên nghèo mở quán cơm gạo lức muối mè 40 năm trước ở Đà Lạt NGUYỄN XUÂN CHIẾN,người vừa mới gửi cho tôi đọc mail NGHỆ THUẬT SỐNG của Đạo sư OSHO.

Trần Thoại Nguyên

SỐNG - TÔI LÀ

Tôi ngơ ngác nhìn trời cao biển rộng,
Bước vào đời như giọt nước hân hoan.
Nghe chim hót trong tàng cây lá mộng,
Dưới chân tôi nắng óng ánh huy hoàng!

Ô. Khoảnh khắc sống hừng từng hơi thở,
Máu xương reo theo nhịp sát na qua.
Trên chuyến tàu mang mang về thiên cổ,
Bạn yêu ơi! Hồn nhiên Sống Tôi-là.

Thiền, không chỉ ngồi tham thiền nhập định,
Trán trầm tư đuổi bắt bóng huyền không.
Người gánh nước,bửa củi,tâm an tĩnh,
Không-là-Không,bàn chân bước Không Không...

Ô. Đời sống triệu triệu bông hoa nở,
Trái tim tôi run rẩy giữa sắc màu,
Tôi xin phụng hiến trái tim tươi đỏ,
Với cuộc đời,với nhân loại yêu nhau!
Hahaha!

GIẢM ĐAU NHỜ THIỀN

BS. Lương Lễ Hoàng

Nếu trước đây vài thập niên thầy thuốc còn gặp khó khăn khi tìm thuốc giảm đau, thì người tiêu dùng hiện nay lại bối rối vì không biết chọn loại nào trước quá nhiều loại thuốc giảm đau được bán trên thị trường.

Điểm đáng nói là số người dùng thuốc nhưng chưa được thông tin về tác dụng gây lệ thuộc thuốc đến độ thầy thuốc đặt tên là "hội chứng đau đầu vì thiếu thuốc giảm đau", về mối liên hệ thấy rõ giữa việc lạm dụng thuốc giảm đau và bệnh trầm uất, về rối loạn nội tiết tố, điển hình là bệnh tiểu đường, ở người dùng thuốc giảm đau hơn 10 ngày trong tháng... vẫn là thiểu số!

GIẢM ĐAU KHÔNG DÙNG THUỐC

Rõ ràng là hiện nay không thiếu thuốc giảm đau. Nhưng rõ hơn nữa là phản ứng phụ khó tránh của thuốc! Bằng chứng là y sĩ đoàn ở Đức, nơi được xem như lò sản xuất thuốc hóa chất tổng hợp, đã liên tục cổ động cho biện pháp không dùng thuốc khi cần giảm đau.

Đó cũng là lý do tại sao nhiều thầy thuốc bên đó đang ưu tiên áp dụng châm cứu để điều trị đau thần kinh tọa, viêm khớp, chấn thương phần mềm, viêm thần kinh ngoại biên..., thay vì hở chút là cho thuốc đặc hiệu. Họ phải quyết định không chỉ vì hiệu quả của liệu pháp mà còn do khách hàng muốn như thế: 70% bệnh nhân bên Đức yêu cầu được điều trị bằng phương pháp an toàn, càng ít phản ứng phụ càng tốt.

Ở xứ mình hình như ngược lại! Không chỉ thầy thuốc mà nhiều bệnh nhân cũng muốn đánh mau đánh mạnh bất kể lợi hại về lâu về

dài. Tất nhiên không ai vui gì khi phải đến thầy thuốc bởi việc khám bệnh ở nhiều nơi chẳng khác nào cực hình có tính phí!

Cũng vì phản ứng phụ của thuốc hóa chất mà thầy thuốc ở Hoa Kỳ dựa vào kết quả hiển hiện của nhiều công trình nghiên cứu trong thời gian gần đây đã khuyến khích người bệnh chủ động học thiền để tiếp tay thầy thuốc.

Các nhà nghiên cứu ở Đại học North Carolina đã chứng minh cơn đau giảm thấy rõ sau ba ngày ngồi thiền, mỗi ngày một lần không hơn 20 phút. Tác dụng giảm đau không chỉ cấp thời mà kéo dài không thua hiệu quả thuốc giảm đau loại mạnh.

Bên cạnh đó, lợi điểm thấy rõ là người thiền thay thuốc không bị cồn cào bao tử, không buồn ngủ nếu so sánh với phản ứng thông thường của thuốc giảm đau.

Đi xa hơn nữa, người đau đầu mãn tính có thể giảm hơn phân nửa lượng thuốc sau bốn tuần tập thiền. Giảm được thuốc đồng nghĩa với bớt phản ứng phụ và tiền thuốc.

Từ hiệu quả ghi nhận trong điều trị bệnh hệ vận động và thần kinh, thầy thuốc ở châu Âu đã mạnh dạn áp dụng phương pháp ngồi thiền trong nhiều trung tâm điều trị phục hồi bệnh tim mạch, cho bệnh nhân hậu ung thư cũng như trong các mô hình chống stress. Chính phủ Nhật ắt hẳn có lý do chính đáng khi quy định tài xế lái xe đường dài phải thiền trước khi khởi hành. Chuyên gia về thể dục thể thao ở Đại học Cologne chắc phải có cơ sở khoa học vững chắc khi đưa thiền vào chương trình tập huấn cho vận động viên chuyên nghiệp.

CÓ CƠ SỞ KHOA HỌC

Nếu nghĩ thiền sở dĩ có tác dụng là do niềm tin hay tương tự *một loại giả dược (placebo) thì sai. Kết quả nghiên cứu với kỹ thuật cao cấp như với phương pháp nhiệt đồ (thermogram)*, qua đó đánh giá thay đổi trên toàn thân của người ngồi thiền cho thấy phương pháp này hoàn toàn có cơ sở khoa học.

Chuyên gia về thiền Ulrich Ott đã đánh tan mọi nghi ngờ

với ấn phẩm bán chạy trong nhóm top ten ở Đức Meditation fuer Skeptiker (Thiền cho người không tin) với dẫn chứng khách quan về thay đổi trên vỏ não sau khi thiền, qua đó không chỉ dẫn truyền thần kinh được hoàn chỉnh mà ngay cả hàm lượng dưỡng khí trong tế bào chất xám cũng gia tăng.

Dù ai có bán tín bán nghi cách mấy cũng phải công nhận là chức năng tư duy, đặc biệt là óc phán đoán và trí nhớ, được cải thiện thấy rõ sau 5-10 ngày tập thiền.

Không có gì khó hiểu về tác dụng của thiền từ khi các nhà nghiên cứu phát hiện chất nội sinh endorphin của tuyến yên được phóng thích có thể gấp 10 lần bình thường sau khi ngồi thiền. Có đủ chất này thì gia chủ chịu đau giỏi hơn, ngủ yên hơn và nhất là thức dậy với cảm giác lạc quan yêu đời, yêu người. Làm gì có thuốc đặc hiệu nào vừa giảm đau vừa tăng sức kháng bệnh như endorphin? Đã vậy thiền nào mất tiền mua!

Trên cơ sở vừa phân tích, giáo sư Edzard Ernst ở Đại học Exeter đã thậm chí mạnh dạn cổ động cho biện pháp thiền định như thuốc đặc hiệu ở người:

- Phân liệt cá tính vì lo sợ triền miên
- Huyết áp dao động thất thường vì rối loạn thần kinh giao cảm
- Mất ngủ sau chấn động tâm lý
- Lệ thuộc thuốc giảm đau

Ai cũng hiểu nhu thắng cương, tĩnh khắc động. Cũng không quá khó để tập thiền. Đừng tin chi kỹ thuật phức tạp theo bài giảng mù mờ của người mượn thiền để kiếm tiền. **Chỉ cần ngồi yên, gác hết mọi chuyện tạm thời sang một bên và tập trung không quá 10 phút vào động tác hô hấp hít vào thở ra đã là thiền.**

Khó chỉ ở chỗ liệu có đủ nghị lực để bắt đầu ngay từ hôm nay và tiếp tục trong nhiều ngày sau đó!

CHUYÊN TRANG PHẬT GIÁO QUẬN 8

(do nhà báo Nguyễn Đức Tố phụ trách)

TIN VẮN

- **Ban Bảo trợ Hội Chữ Thập Đỏ** Quận 8 kết hợp với các chùa Long Hoa, Thường Quang, Linh Bửu, Vạn Liên, Bửu Quang tổ chức cứu trợ bà con nghèo tỉnh An Giang. Điểm phát quà cứu trợ là chùa Huỳnh Đạo, Châu Đốc, gồm 600 phần quà mỗi phần 500.000đ tổng trị giá là 350.000.000đ.

- **UB.MTTQ.Q8** kết hợp với Hội Chữ Thập Đỏ, Ban Bảo Trợ Hội Chữ Thập Đỏ Q.8, Ban Đại Diện Phật Giáo Người Hoa, Báo Sài Gòn Giải phóng Hoa văn, Ban Từ thiện Báo Giác Ngộ, Chùa Long Hoa, Chùa Thường Quang, cứu trợ đồng bào 4 tỉnh miền Trung bị ảnh hưởng bão lụt: Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình, gồm 2000 phần quà mỗi phần trị giá 600.000đ, tổng chi phí là 1, 4 tỷ.

- **Ban Trị Sự GHPG Q8** tổ chức lễ chung thất cho cố Hoà Thượng thượng Thiện hạ Chơn, thành viên Hội đồng Chứng minh Trung Ương Giáo Hội, Viện Chủ Chùa Giác Linh.

- **BTS.GHPGTP.HCM** tổ chức lễ công cử Ni Sư Thích Nữ Huệ Tuyến, Trụ trì chùa Lâm Quang, Quận 8 đảm nhận chức Quản tự chùa Quan Âm, Phường 15, Quận 8.

- Ngày 17/12/2013, **Quận uỷ-UBND-UBMTTQ Quận 8** kết hợp với giới Công giáo tổ chức họp mặt chức sắc các tôn giáo tại Hội trường Quận uỷ Quận 8 để chúc mừng lễ Chú Giáng Sinh 2013, thể hiện tinh thần Đại đoàn kết toàn *Dân tộc*

- **Ban Trị sự PGQ8** ra lời kêu gọi các tự viện kết hợp với UBMTTQQ8 ủng hộ quà Tết cho người nghèo trong dịp tết Nguyên Đán Xuân Giáp Ngọ, 2014.

PHẬT SỰ 2013 - MỘT NĂM NHÌN LẠI

Thích Nữ Hiền Thủ

Qua một năm triển khai và thực hiện chỉ đạo của GHPGVN. TP.Hồ Chí Minh và phương hướng năm 2013 của Ban Trị sự GHPGVN.Q8. Công tác Phật sự của GHPGVN Quận 8 đạt được những thành quả sau:

- **Tăng sự**: Tổ chức thành công lễ Bổ nhiệm trụ trì chùa Long Thọ ngày 6/4/2013 và chùa Huệ Lâm ngày 29/10/2013. Tổ chức hai điểm ACKH tập trung chính thức: Chùa Thường Quang dành cho chư Tăng, chùa Pháp Quang dành cho chư Ni; Ba điểm cấm túc tại chỗ là chùa An Phú dành cho chư Tăng và chùa Bửu Quang, chùa Huệ Lâm dành cho chư Ni nội tự.

- **Giáo dục**: Ban chủ nhiệm Lớp Sơ cấp Phật học Quận 8 tổ chức thi tốt nghiệp cho 40 Tăng-Ni sinh. Ngày 26/5/2013 chùa Huệ Lâm đã tổ chức lễ Bế giảng và trao bằng tốt nghiệp cho Tăng Ni sinh Khoá 8 đồng thời khai giảng Khoá 9 Lớp Sơ cấp Phật học, có 40 vị đăng ký theo học.

- **Hoằng Pháp**: PGQ8 có 7 Đạo tràng: Chùa An Phú, Phổ Đà Sơn, Từ Hiếu, Pháp Thạnh, Pháp Quang, Bửu Quang, Định Phước; trong đó gồm:

- 02 Đạo tràng khoá tu Niệm Phật 7 ngày: Chùa An Phú, Bửu Quang;

- 02 Đạo tràng khoá tu An lạc một ngày: Chùa Phổ Minh, Đông Phước;

- 01 Đạo tràng Tu Thiền Thái Tuệ tại Tịnh Thất Pháp Thuỷ

- 02 đạo tràng Giáo lý, chùa An Phú, Chùa Giác Linh;

Hội thi giáo lý cấp quận năm 2013 cho Phật tử do Ban Trị Sự PGQ8 tổ chức ngày 8/12/2013.

- Nghi lễ: Thực hiện tinh thần báo đáp Tứ trọng ân theo lời Phật dạy và Mừng Đại Hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VII (nhiệm kỳ 2012-2017), Ban Trị sự PGQ8 đề nghị mỗi cơ sở tự viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường trên địa bàn Quận 8 tuỳ khả năng thiết lập Đàn tràng Dược Sư từ mồng 8 đến 15 tháng Giêng năm Quý Tỵ.

Ban Trị sự hướng dẫn trên 200 Tăng Ni, Phật tử Quận 8 tham dự lễ Phật Đản PL.2557 tại chùa Phổ Quang do Ban Trị sự GHPGVN.TP.HCM tổ chức.

BTS.PGQ8 tổ chức Lễ Đài Phật Đản PL.2557 tại chùa Long Hoa, lần đầu tiên tổ chức diễu hành thuyền hoa với lộ trình từ kênh Tàu Hủ ra bến Bạch Đằng.

Từ thiện Xã hội: Ban trị sự GHPGQ8 kết hợp với UB.MTTQ.Q8, Ban Từ thiện báo Giác Ngộ, Báo Sài Gòn Giải phóng Hoa Văn, Ban Bảo trợ chùa Long Hoa, Chùa Linh Bửu, chùa Thường Quang, chùa Vạn Liên cứu trợ đồng bào tỉnh An Giang cùng với các tự viện trong Quận 8 thực hiện công tác từ thiện tại địa phương trong năm 2013 với tổng trị giá 8,4 tỷ đồng.

Nhìn chung, trong một năm qua, với tinh thần hòa hợp của Chư Tôn đức Tăng Ni, cùng sự hỗ trợ của Đảng, Chính Quyền, MTTQ nên mọi mặt công tác Phật sự của PGQ8 luôn được ổn định và tiến bộ. Với truyền thống yêu nước, gắn bó đồng hành cùng dân tộc, Tăng Ni Phật tử Quận 8 sẽ tinh tiến *hơn nữa để hoàn thiện tự thân, hoà hợp đoàn kết, tham gia* vào các hoạt động lợi đạo ích đời, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, xứng đáng với truyền thống "hộ quốc an dân" nghìn đời của Phật giáo Việt Nam.

CHÙA LONG THỌ

Nguyên Dư

Chùa Long Thọ tọa lạc tại số 203/7A Nguyễn Duy, Phường 15, Quận 8, Chùa do Sadi Ni Mỹ Tín xây dựng bằng vật liệu thô sơ từ năm 1955, đến năm 1968 chùa được xây dựng bán kiên cố và đặt tên là Long Thọ Tự. Đến năm 1996, con gái của Sa di Mỹ Tín là Tân Nguyệt Ánh, chủ hộ chính thức của chùa đã thỉnh **Ni Sư Thích Nữ Như Ngộ** (ảnh) về quản lý và tu học. Năm 2013, Ni Sư được GHPGVN Quận 8 bổ nhiệm trụ trì chùa Long Thọ.

Do vị trí của chùa nằm trong khu vực ít dân cư và một thời gian dài không có trụ trì, nên hoạt động của chùa có nhiều hạn chế. Kể từ khi Ni Sư Như Ngộ được bổ nhiệm trụ trì thì công tác Phật sự của chùa đã được chấn chỉnh và có nhiều nét khởi sắc. Chùa đã tổ chức các thời sám hối vào tối 14 và 30 âm lịch hằng tháng, tổ chức đạo tràng khoá tu *Một ngày an lạc* với khoảng 50 Phật tử tham dự. Mỗi năm vào dịp lễ Vu Lan, chùa tổ chức phát chẩn cho dân nghèo trong khu vực.

Mặc dù kết quả thu được chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác Phật sự, tuy nhiên đây cũng là khởi điểm tích cực đáng ghi nhận của Ni sư trụ trì và Phật tử.

Kính chúc Ni sư Trụ Trì Thích Nữ Như Ngộ và Phật tử chùa Long Thọ thân tâm thường an lạc, Phật sự viên thành để góp phần trong công tác trợ đạo ích đời, lợi lạc quần sanh, tạo hạnh phúc cho xã hội.

XUÂN TRONG CỬA PHẬT

Nguyễn Đức Tố

XUÂN CỦA CHƯ TỔ

Xuân đến thể hiện sự đổi mới của vạn vật thiên nhiên sau một giấc ngủ dài mùa đông. Cây cỏ xanh tươi, ngàn hoa muôn sắc nở rộ tràn đầy sức sống. Đối với người Phật tử, mùa Xuân là tín hiệu của điềm lành, của phước nghiệp đang đến gần, đang chào đón chúng ta, những người làm lành, như bà con và bạn hữu đang vui mừng chào đón sự trở về của khách viễn xứ:

"Khách lâu ngày ly hương
An toàn từ xa về
Bà con cùng thân hữu
Hân hoan đón chào mừng
Cũng vậy các phước nghiệp
Đón chào người làm lành

Đời này và đời sau

Như thân nhân đón chào"

(Pháp cú, 219-220)

Nói đến Xuân, là Phật tử chúng ta hãy chiêm nghiệm *Xuân trong đạo Phật như thế nào?*

Cuộc đời nằm trong quy luật "sinh trụ dị diệt" thì mùa xuân có nằm trong quy luật này không? Tất cả sự vật đều giả tạm, cho nên chúng ta nhìn vào bản chất sự việc bằng con mắt của trí tuệ.

Trong quy luật sinh diệt này, người ta còn nhận ra cái không sinh diệt đó là Phật Pháp bất ly thế gian, chúng ta đi tìm mùa Xuân ở những ngày cuối năm với bao bộn bề, lo toan, vui buồn lẫn lộn. Nhưng là Phật tử ta phải nhận chân mùa Xuân trong đạo Phật là Xuân an lạc. Vua Trần Thái Tông là người nhận được giáo lý của Tổ Lâm Tế:

Mới tới cửa ngoài nghe tiếng hét

Tình giấc hôn trầm lũ cháu con

Một tiếng sấm xuân vừa chấn động

Khắp nơi cây cối nẩy mầm Xuân

Theo Vua thì tiếng thét của Tổ là tiếng sấm xuân mà tất cả hoa trái của sự giác ngộ được biểu lộ sau khi những hôn trầm tan biến. Tiếng sấm cũng như tiếng hét có sức công phá hủy diệt để mùa xuân trở về với mùa xuân an lạc của Giác Ngộ.

Cái chân như xuân cùng muôn vật đã trở thành cảm hứng nhiều thiền sư đời Lý. Thiền sư Mãn Giác đã nổi tiếng với bài "Cáo tật thị chúng":

Xuân khứ bách hoa lạc

Xuân đáo bách hoa khai

Sự trục nhãn tiền quá

Lão tòng đầu thượng lai

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Nhiều nhà thơ khi nói về trúc, mai để chỉ mùa xuân. Trúc đại diện cho người đàn ông mạnh dạn và quân tử, còn mai biểu hiện cho người nữ mãnh mai yếu đuối, dịu dàng. Tuy nhiên, ai cũng phải trống rỗng, buông xả tất cả để bước vào cửa Không, tập sống tiết tháo như người quân tử, vì tu càng cao phải cần buông xả, buông xả còn là thái độ sống hoà điệu với vũ trụ. Buông xả đem lại an lành cho chính thân tâm ta, cho những người sống chung quanh. Nếu không xả mà chấp thì không ai đến gần nghĩa là không có tăng thân, bạn tu thì làm sao tu được.

Thế nên, chân như gốc ở tâm, tâm là Như Lai tạng, các pháp bắt đầu từ tâm. Quan niệm hưởng xuân của từng người đều khác nhau. Chơn thường nằm trong vô thường. Chơn tịnh, chơn thường, chơn lạc, chơn ngã là bốn đức tính của chơn không diệu hữu. Nếu hiểu được như vậy thì chúng ta phải cố gắng vượt qua tất cả chướng ngại để có an lạc trong bất cứ mùa nào, để mùa nào cũng là mùa xuân.

XUÂN DI LẶC

Mùa xuân Di Lặc còn hàm ý cung thỉnh một năm mới đầy may mắn. Ngày mồng một tết là ngày Vía Đức Phật Di Lạc, vì thế trong ngày tết đến chùa không phải chỉ là cầu phước mà còn phát tâm nguyện noi theo những *hạnh nguyện* của ngài để được giác ngộ, xa rời phiền não. Trong kinh Phật, Di Lặc là vị Bồ Tát được Đức Phật thọ ký sẽ thành một vị Phật tương lai, thị hiện nơi chốn Ta Bà để đem ánh sáng Phật đạo soi sáng cho chúng sanh. Trong tiếng Phạn, Di Lặc được gọi là Metteya dịch ra

tiếng Hán là Từ Thị, mang ý nghĩa tâm từ trong đó. Tâm từ là một trong "tứ vô lượng tâm" tức Từ Bi, Hỷ, Xả. Lễ Vía Đức Phật Di Lặc nhằm vào ngày đầu xuân là để nhắc chúng ta một mùa xuân trong đạo pháp, để thực hiện từ, bi, hỷ, xả, hóa giải mọi nghiệp chướng phiền não, chuyển hóa cho thân tâm được an lạc, tràn đầy hạnh phúc.

Nếu mùa xuân là cái gì tươi đẹp nhất thì đó là

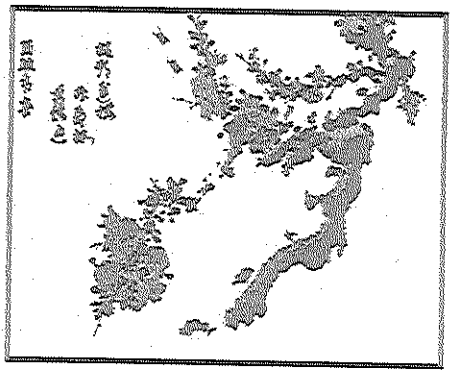

sự tươi đẹp trong tâm hồn chúng ta. Nói cách khác tìm được nơi an trú của tâm hồn, cảm nhận sự an lành trong khoảnh khắc hay trong miên viễn; đó mùa xuân của Đạo. Mãn Giác Thiền sư nhìn thấy cành mai khiến ngài nhận ra thật tướng của các Pháp và cảm nhận sự an lành. Sự biết tỉnh giác như vậy được xem là mùa xuân trong cửa đạo, hay mùa xuân của sự thức tỉnh.

Xuân trong đạo Phật là Xuân của tất cả mọi loài chúng sanh ở mười phương pháp giới, muốn được như vậy chỉ có con đường duy nhất là phải tu, phải thực hiện tam vô lậu học: giới, định huệ để mãi mãi được an lạc.

HƯƠNG THIỀN 27

NHIỀU TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM
88 - 90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM
ĐT: (08) 38216009 - 39142419
Fax: (08) 39142890
Email: nxbvhvn@nxbvanhoavannghe.org.vn
nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn
Website: nxbvanhoavannghe.org.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Huỳnh Thị Xuân Hạnh
Biên tập: Nguyễn Kim Phước
Sửa bản in: Bảo Bảo
Trình bày: Hương Thiền Design
Bìa: Cát Tường
Liên kết xuất bản: Hương Thiền Books

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm
Tại: Công ty in Thành Tiến, 195/37D Bùi Minh Trực, P.5, Q.8,TP.HCM
Số đăng ký KHXB: 64-2013/CXB/81-01/VHVN
QĐXB số: 450/QĐ-NXBVHVN ngày 30/12/2013
In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2014

Xuân Giáp Ngọ 2014

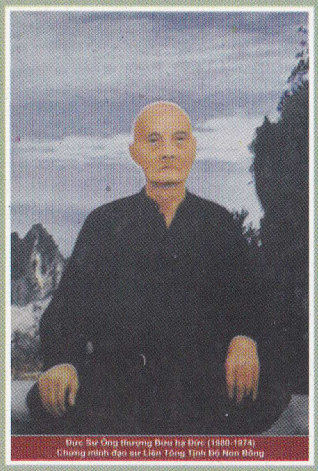

Đức Sư Ông thượng Bửu hạ Đức (1880-1974)

Ông Trần Tấn Bửu (Sa di Thích Thiện Đức)
(1920 - 1987)

Sa di Thích Thiện Đức (1920 - 1987)

Ni sư Thích Nữ Như Ngộ
(bài trang 91)

Giá: 15.000 đồng